

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Nguyễn Đức Sơn (III)

#### Tiểu sử

(Xin xem *Vài hàng về tiểu sử*)

#### Tác phẩm

(Xin xem *Vài hàng về tiểu sử*)



Tranh Đinh Cường

### Mục Lục

- Thơ Nguyễn Đức Sơn – Võ Phiến - 2  
Viết về Tô Thùy Yên & Nguyễn Đức Sơn – Trần Tuấn Kiệt – 8  
L.L. Lan - 10  
Nguyễn Đức Sơn: Vòng quay sinh tử - Đinh Từ Bích Thủy - 14  
Nguyễn Đức Sơn...người trồng cây quái dị - Nguyễn & Bạn hữu - 23  
Sự thật về “Người Trồng Thông Quái Dị” – Nguyễn Đạt – 26

### Phụ đính: Chùm thơ Nguyễn Đức Sơn

Tất cả đều trật lất - Một tâm ảo tượng - Một ngày ở núi  
Tháng Chạp sầu đời trên núi lạnh - Ngàn sau  
Đêm thu - Mai kia - Tịch mạc - Tôi thấy mây rừng  
Hành động - Bất đầu thờ - Thi sĩ – Quê hương  
Đốt cỏ ngoài rừng – Nhìn con lập tật - Rơi miệng con - Nói thật  
Đêm khơi - Nghe tiếng gà rừng gáy - Những buổi trưa câm  
Chút lời thờ than - Kỷ niệm Bình Dương – Sầu vương  
Giữa đồi nhạt nắng - Mộng vô biên - Đêm trăng lu - Hồn đã ủ ngàn năm  
Khát vọng - Hồn mang - Ôi dòng Dran - Ngưỡng mộ

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Thơ Nguyễn Đức Sơn Võ Phiến

Tập thứ nhất của *Những bài tình đầu* ra đời từ năm ngoái. Đến cuối năm nay *Những bài tình đầu* đã in đến tập thứ ba, nhưng ít ai nói đến. Những tác phẩm ấy đều do “Mặt Đất” xuất bản, mang ở bìa trước bìa sau đầy những lời tuyên bố kỳ quặc. Có phải vì mãi chú ý tới những cái kỳ quặc ấy mà ít người kịp chú ý đến cái hay trong tác phẩm. Nếu quả vậy, thật đáng tiếc.

Bởi vì mặc dù bề ngoài Nguyễn Đức Sơn có những điều bộ lạ mắt, những quát tháo hung dữ, nhưng kỳ thực đó là người rất gần gũi chúng ta. Một người con trai mới lớn, bỡ ngỡ đối với thân xác mình, tha thiết mà rụt rè trong tình yêu, thèm muốn mà e ngại đối với người yêu; một người con trai mới lớn, rạo rực tung bừng trước cuộc sống huy hoàng, mà đồng thời lặng người đau xót trước cái tịch liêu của mệnh mông, cái hư ảo vô nghĩa của cuộc đời. Nguyễn Đức Sơn là như thế, có gì kỳ cục đâu. Ông trích hai câu của Huy Cận để lên đầu sách mình, rất thích hợp:

“một chiếc linh hồn nhỏ  
mang mang thiên cổ sầu”

Thực ra, Nguyễn Đức Sơn không những chỉ gặp Huy Cận. Cùng với Huy Cận, ông đã gặp mỗi “thiên cổ sầu”, ông xúc động vì những gì đã xúc động các thi sĩ từ muôn đời trước. Tuy nhiên trước một vài bản khoán căn bản, mỗi thể hệ có một cách phản ứng riêng, một lối phát biểu riêng. Trần Tử Ngang, Lý Bạch v.v. cũng kêu than trước vũ trụ bao la, trước cuộc đời ngắn ngủi; nhưng phải đến Huy Cận, đến thời kỳ của cá nhân chủ nghĩa, con người bị lạc loài bơ vơ ngoài tập thể, tiếng kêu mới mang thêm nỗi run sợ khiếp hoàng. Từ Huy Cận đến Nguyễn Đức Sơn không cách xa đến thế. Tuy vậy sự khác nhau cũng đã rõ rệt.

Chúng ta, những độc giả của hôm nay, chúng ta yêu Nguyễn Đức Sơn vừa ở chỗ ông giống vừa ở chỗ ông khác với các thế hệ trước. Chỗ giống ấy làm cho lớp người này không đến nỗi ngẩn ngơ, tự thấy quái dị trước lịch sử; chỗ khác ấy làm nên cái thích thú riêng của những kẻ đồng cảnh hiểu nhau.

\*

Trông thấy Nguyễn Đức Sơn khoa trương về những tác phẩm “ngộp mắt” của mình và xỉ vả tất cả những ai, “bất luận già hay trẻ, đực hay cái”, muốn lợi dụng tài năng mình, người ta tưởng tượng ông ngổ ngáo không ai bằng. Nhưng đến gần một chút, sẽ thấy ông hiền lành dễ mến biết chừng nào. Con người ta chỉ làm bộ làm tịch lúc bình thường, chứ một khi có điều trọng đại xảy đến, lay động sâu xa, thì liền quên hết bộ tịch mà xuất lộ ngay chân tướng. Chuyện quan trọng trong đời có lẽ không gì hơn là cái chết của người thân và tình yêu của mình.

Tôi không biết sinh mệnh của thân mẫu Nguyễn Đức Sơn có lần nào bị nguy ngập thực chẳng (1) hay là ông chỉ mơ thấy mẹ qua đời mà những lời ông thốt ra chắc chắn ai nghe cũng phải cảm động. Toàn bài *Mây Trắng* chỉ có câu:

“huyệt dài bóng xế lấp đời con”

là có dùng đến hình ảnh tu từ. Ngoài ra, toàn thị là giản dị hết sức, cũng giản dị như những tình cảm chân thành trên đời:

“hình bóng ngày xưa khuất núi rồi  
còn đây khăn trắng vấn đầu thôi  
còn đây một mảnh hồn đơn chiếc  
như cánh chim cô bạt cuối trời.”

Những câu như thế tưởng ai cũng viết được: chẳng những không có gì cao kỳ, lại còn cũ kỹ, khuôn sáo. Nhưng truyền được nỗi buồn ngùi vào những lời tầm thường như thế thì phải là một xúc cảm thật chân thành mới truyền nổi. Hàng ngày bước đi giữa phố phường ai nấy đều không ngớt chạm mặt người xa kẻ lạ, nhưng mấy ai phát giác được điều giản dị mà lạ lùng này: “hờ hững bao người đâu phải mẹ”

Nguyễn Đức Sơn đáng mến trong trường hợp đau xót ấy, mà còn đáng mến ngay cả khi ông yêu đương. Đến cái tuổi mà mọi thiếu niên bắt đầu nghĩ về người bạn khác giống thì mỗi lần “áo ai bay hở trên xe lửa”

Nguyễn Đức Sơn cũng tưởng tượng xa xôi và mơ ước. Ông không giấu giếm gì hết về sự thèm muốn da thịt, cái da thịt đàn bà nó là một bí mật huyền diệu đối với anh con trai cỡ tuổi đó:

“tôi rất thèm và rất xốn xang  
ước ao một phút cũng thiên đàng  
trời hơi từng đêm ôm gối lạnh  
đã xốn xang càng thêm xốn xang.”  
(Cảm Thương)

Lớn hơn nữa thì mỗi khi “xốn xang” như thế người ta sẽ không do dự gì cả, thế nhưng đối với các cậu dưới tuổi hai mươi mọi sự đều rắc rối;

“dù rất thèm và muốn biết qua  
nhưng sẽ muôn đời tôi trốn xa  
tôi nguyện làm một người độc nhất  
hoàn toàn trong sạch cho đến già.”  
(Cảm Thương)

Dĩ nhiên không bao giờ nên tin ở lời “nguyện” ấy. Khi mới bắt đầu yêu, mỗi anh con trai mỗi cô con gái đều là một người trong sạch độc nhất. Tất cả những trường hợp độc nhất ấy đều giống nhau, giống ở sở nguyện mà cũng giống luôn ở sự lỗi nguyện. Sự tất nhiên gì vẫn đến với mọi kẻ khác rồi cũng đến với Nguyễn Đức Sơn, điều ấy không đáng trách. Đáng chú ý chẳng là nỗi luyến tiếc chân thành của ông đối với thời trong trắng đã mất: giới thiệu tập Cát Bụi Mệt Mỏi ông ghi rằng đó là tập truyện ngắn đầu tiên “viết trước khi trở thành đàn ông”.

Thời buổi bây giờ đến con gái lắm người họ cũng không buồn ghi nhớ và không nhớ nỗi họ thành đàn bà lúc nào, thế mà có anh con trai lấy cái ngày thành đàn ông làm ngày trọng đại thì có phải là ngoan không chứ.

\*

Yêu người thì thèm thì muốn, người con trai ấy yêu đòi cũng mãnh liệt, cũng nồng nàn dữ lắm. Một buổi mai, trời đẹp, cây xanh, rừng xanh, một bầy nai kéo nhau đi ăn cỏ, có con nai mẹ: “vú lê dài rung rinh rinh rinh”

trước cảnh ấy:

“tôi bỗng thấy mạch đời bùng chảy  
như nhựa xuân tràn lên đầu cảnh  
rồi tôi thấy mạch đời đang chảy  
ở trong tôi mà sao (2) mong manh.”  
(Thanh Thảo)

Khi say sưa, ngây ngất, không ai bằng ông:

“chiều êm hơn cả gió lửa  
tôi ra cuối bãi tôi đùa với trăng

tay choàng lên với môi hẳn  
tôi mơ gió lá tôi mẩn vú đôi  
có hương có nhạc trên trời  
tóc tôi se gió mắt ngời ánh sao.”  
(Trên Rừng Thưa)

Đã lâu trong thơ văn chúng ta thiên nhiên lần lần mất chỗ. Một phần vì ai nấy dồn về đô thị, xa rời cỏ cây trăng sao, một phần vì các mối tương quan giữa người với người càng ngày càng gay gắt, choán hết đầu óc tâm trí ta, ta không còn mấy cơ hội xúc cảm trước tạo vật. Trăng, gió, núi, sông v.v... chỉ còn là những ký hiệu vô vị. Ở Nguyễn Đức Sơn thì không như vậy. Thiên nhiên trong thơ ông là những cái gì cụ thể: con nai vú dài rung rinh, vại “chú dĩa tràng” bu quanh khi ông giả vờ chết trên bờ biển v.v. Ông nói rất nhiều đến sông mưa, biển hoang, còn lạnh, nhất là đến cái bãi biển trên đó ông làm nhiều trò lạ, nhưng không bao giờ nói bằng giọng hò hững; ông động đến cái gì là y như cảm quan ông tràn ngập vì cái ấy, từ đám mây bạc bay giữa trời trong lúc ông nằm giả chết trên cát mà cứ ngỡ mây phiêu phiêu kia đang đưa mình “về cõi tuyết vời mai sau”, cho đến cái “nắng rụng vô thường dưới khe” ở Dran. Ông viết:

“... tôi về lắng cả buổi chiều  
nghe chim ăn trái rụng đều như kinh  
còn một mình hỏi một mình  
có chẳng hồn với dáng hình là hai  
từng trưa nằm nghĩ đất dài  
phiêu phiêu nhẹ cái hình hài bay lên”...  
(Mang Mang)

Mấy ai trong chúng ta giữa cuộc sống náo nhiệt ngày nay còn lắng nghe được một buổi chiều một buổi trưa như thế? Mà những buổi chiều buổi trưa kỳ diệu ấy ở đâu vậy? đến hồi nào vậy? Có lẽ chẳng ai bắt gặp. Nó là công trình dựng nên do một tâm hồn còn nhiều mật thiết với cuộc sống thiên nhiên. Nguyễn Đức Sơn có lý khi ông nghĩ mình sẽ có thể đồng hoá với ngọn rêu với ánh nắng chiều. Ông có hy vọng trở về nguồn:

“mai tôi về nằm giữa rong rêu  
tôi trải thân tôi xuống giữa chiều  
sưởi nắng tà huy lên mái tóc  
khi trời vang lạnh tiếng chim kêu  
mai tôi về nằm giữa hoang liêu  
tôi trải cô đơn xuống giữa chiều”...  
(Mai Tôi Về)

Nguyễn Đức Sơn mà trở về nguồn ông sẽ hoà tan vào vạn vật, óc tim ông sẽ “hoà vào một khối”, “hoà vào giữa mát lạnh rong rêu”, trong khi óc tim nhiều kẻ khác lúc tan rã bày ra ngổn ngang những bận bịu lung tung, những con toán, không hoà vào đâu được.

\*

Càng nồng nàn thì càng thất vọng về cuộc sống: cái huy hoàng của nó thật ngắn ngủi và vô nghĩa. Những giác quan tinh nhạy đã xúc động vì cái từng bừng náo nức ngụ trong một tiếng chim hót, một ánh nắng mai, những giác quan ấy cũng tinh nhạy trong việc cảm nhận ra cái vắng vẻ tịch liêu xung quanh kiếp sống.

Có lẽ những câu thơ hay nhất của Nguyễn Đức Sơn là liên quan đến mối ám ảnh thường xuyên ấy. Nhớ Quách Thoại, ông tự hỏi:

“không biết từ đâu ta đến đây

mang mang trời thăm đất xanh dầy  
lớn lên mang nghiệp làm thi sĩ  
sống điều linh rồi chết đoạ đầy.”  
(Hoài Niệm)

Nhân nghĩ đến một người bạn thơ đã khuất, đến một cái chết, thì băng khuâng như vậy cũng là lẽ thường. Đàng này đang nằm trên bờ biển, thở ra hít vào thích thú, ông cũng chợt thần thờ:  
“mai sau này chỗ tôi nằm  
sao rơi lạnh lẽo âm thầm biển ru.”  
(Một Mình Nằm Thở Đủ Kiếu Trên Bờ Biển)

Buồn thảm thật.

Một tâm hồn trót đã có lần chạm mặt với Hư Vô, thì bất cứ lúc nào, có duyên cớ hay không có duyên cớ chính đáng, đều có thể bị nó sừng sững hiện đến đe dọa, ngay cả khi đời chớm nở, ngay giữa hạnh phúc gia đình:

“tôi dòm đời, khi tuổi sắp hai mươi  
thấy vắng tan hoang ngụt đất trời  
cha mẹ anh em còn đông đủ  
mình tôi sao mỗi sầu không nguôi

ngập ngừng chân bước con đường vắng  
mây trắng bay lên oà đất trời  
tôi cúi đầu nghe mình nhỏ lệ  
biết chuyện gì rồi cũng buồn thôi.”  
(Bọt Nước)

“ngựa chùn bước gặp hoang sơ  
tôi dừng chân thấy hư vô bủa đầy.”  
(Tâm Tư)

Trích dẫn câu này câu nọ là chuyện làm bất đắc dĩ và tai hại. Một câu thơ, một đoạn thơ, bị bứng ra khỏi toàn thể, khỏi cái không khí của nó, nó biến dạng, mất đi cái đặc sắc ngay. Chẳng qua trong khi biện luận chúng ta bị bắt buộc phải lôi ra dí tận mắt kẻ đối thoại những bằng chứng cụ thể để có thể nói: “Này, coi có quả không nào.” Những cái lôi ra đó phải xác thực, phải rõ ràng, nhưng không phải là cái tinh vi đẹp đẽ nhất. Thật ra cái “mây trắng oà đất trời”, cái “hư vô bủa đầy”, nó bàng bạc, tràn ngập khắp tác phẩm của Nguyễn Đức Sơn, nó ngấm vào từng dòng chữ, từng lời thơ của ông. Vì vậy mà dù ông “một mình đuổi theo mây bạc bay trên biển”, ông “qua thung lũng cũ”, ông “lăn cù trên bờ biển”, ông nghe một “tiếng gà rừng gáy”, hay chỉ làm một cái việc đơn giản là “khép cửa” v.v., đó vẫn không phải là những chuyện tầm thường vu vơ: phía sau chúng lúc nào cũng rờn rợn cái Hư Vô đe dọa. Những chuyện khép cửa, nghe gà... không phải để thuật lại cuộc sống thường nhật, mà gợi lên cái bao la hiu quạnh ngoài cuộc sống thường nhật. Thứ “mây trắng oà đất trời” ở đây nó mở rộng kích thước tâm hồn người thơ thành mênh mông.

Trước kia, có lần Huy Cận chia thi sĩ làm hai hạng: một hạng mô tả cuộc đời; một hạng nữa, tò mò hơn, không bằng lòng nhìn cuộc sống đã thành hình mà còn muốn dự biết đến công cuộc sáng tạo của Hoá công; nói cách khác, một hạng nhấp rượu thường thức ngon dở, còn một hạng nữa thì hé nhìn vào lò xem cái lúc hạt gạo đang lên men. Huy Cận tự xếp vào hạng sau và dĩ nhiên là lấy làm kiêu hãnh về sự tò mò của mình.

Sau cách mạng tháng tám 1945 trong văn học ta những thách thức siêu hình tiêu tan hết, bị quét một loạt như những bóng ma. Dân tộc nhào vô cuộc chiến tranh với Pháp, lao mình vào công việc gian lao, nguy hiểm, và quên hết những suy tư viển vông. (Cũng như anh chàng Duy trong *Con đường sáng* của Hoàng Đạo, khi còn chơi bời trác táng, thấy đời mình thừa thãi, nghĩ ngợi vớ vẩn xa xôi, nhưng đến lúc bắt tay vào công việc xã hội liền thấy tâm hồn thanh thản hơn). Thế nhưng ở Huy Cận thì sự chuyển biến trong tâm tư chậm chạp lắm. Sau 1945 khá lâu, nghe một tiếng hát ru trong đêm vắng ông còn có cảm tưởng:

"Buồn sao như dạ héo hon,  
Đời nghe ú ớ hầy còn sơ khai.  
Nghe đời đau quặn trong thai  
Tiếng ru chan chứa đêm dài còn mang."  
(Tiếng Ru Em)

Ngày nay tình hình xứ sở rắc rối không kém hai mươi năm trước, thế hệ này bận rộn không kém thế hệ Huy Cận. Thế mà Nguyễn Đức Sơn cũng lại cảm thấy "hư vô bủa đầy". Dầu sao, có lẽ lúc nào cũng có kẻ cúi đầu xuống công việc, và có kẻ ngẩng đầu lên khỏi công việc.

\*

Lại vừa nhắc tới Huy Cận nữa! Chúng ta có vẻ chú ý quá nhiều đến chỗ giống nhau giữa Nguyễn Đức Sơn và các lớp người trước. Thực ra, không ai có bản sắc riêng rõ rệt, có cá tính mạnh mẽ bằng ông. Bản sắc và cá tính có nhiều dính líu đến thời đại này.

(...)

Nguyễn Đức Sơn (...) điềm nhiên giản dị (...) biết bao:

"đầu tiên tôi thở cái phào  
bao nhiêu phiền não như trào ra theo  
nín hơi tôi thở cái phèo  
bao nhiêu mộng ảo bay vèo hư không"...  
(Một Mình Nằm Thở Đủ Kiểu Trên Bờ Biển)

Cứ thế ông thở "đủ kiểu". Rồi qua một bài thơ khác ông lại "khoái trí nằm thở nữa".

(...) Trong thơ ta đã mấy ai nghe những tiếng thở cái phào cái phèo ngang tàng như vậy? (Nhất là đọc cho đến hết bài "thở đủ kiểu" ta giật mình thấy không phải đó là cái ngông vô cớ, ta không ngờ những hơi thở ấy lại đưa ta đi xa đến thế).

(...)

Tất cả những cái ấy cho thấy lớp người trước trong những lúc muốn làm ra quái dị nhất vẫn không quái dị bằng lớp người "hôm nay", và ngay khi muốn tỏ ra quái dị các thi sĩ trước vẫn hướng về cái thanh nhã, còn các thi sĩ "hôm nay" không hề kiêng kị tục tĩu. Bích Khê có lần nói tới cái "sự thực trần trường nằm giữa háng", nhưng sự thực đó được Bích Khê tô vẽ thành ngọc thành ngà thành hương thành tuyết, nên dẫu nằm ở đâu nó cũng hoá ra một bửu vật cao quý.

Hoặc lên trời, lên trăng, lên một tinh cầu giá lạnh nào đó, hoặc tắm trăng, hoặc đòi hỏi thứ nhan sắc lên hương, thứ sự thực tuyệt điềm v.v. đều là không chịu cái thực tại quanh mình, mơ ước vượt thoát lên khỏi cái thực tại ấy. Mặt khác, thở cái phào cái phèo, lẩn cù, vọc c...v.v... cũng là một thái độ bất cần, không bằng lòng thực tại. Nhưng một bên ước mơ thoát ly có tính cách lãng mạn, một bên là sự hục hặc vùng vằng, cộc cằn, thô tục .

Nguyễn Đức Sơn không học hặc một mình. Xung quanh ông, một thế hệ cũng làm như ông (...) Cuộc sống ngày nay, nhất là ở đô thị, quá phiền toái, quá chật chội, kỷ luật, khiến con người ta bực bội, cáu kỉnh, phản ứng mãnh liệt, quá đà.

Dĩ nhiên ta nêu lên những cái ấy không phải như là những ưu điểm, càng không phải là những ưu điểm về thơ. “Lăn cù” cũng vậy, mà ngầm nghĩa “sự thực” cũng vậy: thi ca không vì đó mà thêm hay. Nêu lên là để cảm thông nét tâm trạng của một thời, để cho người đứng ngoài cảnh ngộ dẫu không tán thành cũng chỉ mỉm cười mà không đến nỗi chê trách.

\*

Kể ra làm thơ không phải chỉ nhằm mục đích cho có được bài hay. Sáng tác vì thế thôi thì “cơm gạo” quá. Làm như vậy quả đáng gọi là sản xuất: sản xuất tác phẩm.

Viết, hay vẽ, hay đàn hát v.v., đành là để tạo ra một hình thức đẹp, nhưng trước hết là vì muốn biểu hiện một tâm trạng, muốn thoát ra ngoài một chứa đựng gì trong lòng. Hai ý định có khi không gặp nhau. Có những hình thức đẹp mà không chứa đựng. Lại có những trường hợp mà cái chứa đựng phong phú không tìm được hình thức thích nghi. Riêng về chuyện bực dọc trước nếp sống ngày nay, có lẽ Nguyễn Đức Sơn của chúng ta không phải táo tợn hơn hết đâu. Trên các tạp chí, trên những tác phẩm xuất bản năm bảy năm nay, thiếu gì quái dị được bày ra. Kể thường thức không phải ai nấy đều hẹp hòi không chấp nhận được những quái dị đó; có điều đáng tiếc là ít khi nó gặp được một hình thức biểu hiện đẹp đẽ.

Bởi vì dù để diễn tả sự phẫn nộ, cuồng loạn, cách diễn tả cũng phải vâng theo một kỷ luật, cái kỷ luật tự nó tìm ra. Không thể không thành được nghệ thuật, dù là nghệ thuật điên loạn. Vứt màu loạn xạ lên khung vải là một hoạt động có thể rất bổ ích đối với nghệ sĩ nhưng rốt cuộc không đưa tới thành công nghệ thuật nào. Bước nhảy *twist* có loạn tới đâu cũng không phải là thứ bước chân vô kỷ luật chen nhau chỗ chợ trời. Những hò hét, những inh ỏi của nhạc *jazz* không giống tiếng đẩu khẩu ngoài công lộ; nó vẫn có tiết điệu riêng của nó. Nghệ phẩm nào dù có cốt giải toả một ẩn ức, đồng thời cũng phải thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ.

Ở xứ ta, sau ngày đình chiến 1954, giới văn nghệ bị phân hoá rõ rệt. Các thi sĩ cao niên có khuynh hướng ý lại vào kỹ thuật, mài dũa nên những công trình khéo léo mà ít sinh khí. Trái lại, lớp trẻ mang những tình cảm sôi nổi, mà thường khi chưa kịp tìm ra cách thể hiện, cho nên tiếng hò hét rầm rộ của họ thừa huyền ảo, thừa sức gây ngạc nhiên, bắt buộc ai nấy phải chú ý, nhưng rồi không mấy ai thưởng thức, vì nó chưa có cái đẹp, đức tính thiết yếu của nghệ phẩm. Phải chăng vì vậy mà một thời kỳ dồi dào xúc động như thời kỳ này lại cứ bị kêu là nghèo về sáng tác?

Nguyễn Đức Sơn thuộc lớp trẻ, rất trẻ. Nhưng ông không quá bận tâm về những bực dọc ray rứt của mình đến nỗi cầu thả trong kỹ thuật thể hiện. Trái lại, bút pháp của ông tài tình có lẽ không kém các bậc đàn anh lão luyện. Đọc đi đọc lại bài Đau Đớn (ở tập *Bọt nước*), ta bị mê hoặc vì cái tác dụng ma quái của những câu thơ lặp nhau, thoăn thoắt tiếp nối nhau, lướt tới không ngừng như nước chảy sông trôi. Không cần biết có câu nào xuất sắc, có ý tưởng nào thâm trầm hay cao siêu, cũng không kịp dừng lại để phân tích những chi tiết ấy, người đọc cứ đọc lên là bị lôi cuốn ngay, triền miên trong niềm đau dằng dặc, người đọc cứ việc tự phó thác vào cái nhịp điệu lạ lùng của bài thơ, rồi tự nhiên nhận thấy sức tác động dị thường của nó.

Đây đó trong tác phẩm, chúng ta có nhiều dịp sửng sờ trước một mỹ quan mới mẻ như thế.

\*

Nguyễn Đức Sơn có những ý tưởng cắc cớ:

“nhiều khi đợi nắng chiều tan  
tôi mộng lung nghĩ theo làn mây trôi  
ngày kia nếu ở trên đời  
cha tôi không cưới mẹ tôi bây giờ  
sinh ra tôi có làm thơ  
để điều linh vẫn như chờ riêng thôi  
những đêm sao sáng đầy trời  
bỗng nhiên tôi khóc trên đời hư không.”  
(Hồi Tưởng)

“Nếu” mà xảy ra cái điều tai hại nọ khiến trên đời không có thơ Nguyễn Đức Sơn, thì đối với “trời đất mang mang” chắc chắn là chuyện không đáng kể. Nhưng với chúng ta, hàng ngày vẫn khao khát mần mò tìm văn thơ để đọc, thoả mãn thêm một thứ nhu cầu của một kiếp nhân sinh vốn đã mang nhiều hệ lụy, đối với chúng ta sự vắng thiếu ông sẽ là một thiệt thòi đáng kể. Bởi vậy mà mặc dù ông đe dọa, cấm đoán cả việc phê bình, sau khi đọc mấy tập thơ ông tôi vẫn đánh liều bày tỏ nỗi sung sướng của mình.

Làm thơ là chuyện muôn vàn khổ đau.

Khen thơ, nếu có tự chuốc lấy ít nhiều nguy hiểm, đã sao!

(*Tạp chí Bách Khoa, SG, số 238, ra ngày 1-12-1966.*

*In trong bộ Văn học Miền Nam của Võ Phiến.*)

(1) Có chỗ ông viết: “cha mẹ anh em còn đông đủ” (Bọt Nước).

(2) “Mà sao”, hay “sao mà”?

## Viết về Tô Thùy Yên & Nguyễn Đức Sơn Sa Giang Trần Tuấn Kiệt

Tô Thùy Yên : *canh bạc nhỏ thì thắng, còn lớn thì thua*

Nguyễn Đức Sơn: *có khe, suối vọng, có trời đất hỏi ...*

Phải thành thật mà nói, trong số bạn bè như Mai Chửng, Nguyễn Trung, Tô Thùy Yên - một người điêu khắc, một người làm thơ; thì Nguyễn Trung có lẽ là 1 tay nhậu cừ hơn cả. Thỉnh thoảng, Tô Thùy Yên lái xe đưa anh em đi nhậu, *nảy* một cái cánh nó đi ... kìa, cái đầu nó đi, nọ, cái gan, mề nó đi ... Mặt đỏ, miệng cười, ăn nói, không có dáng dấp văn nghệ lớn, văn nghệ bé gì cả. Nguyễn Trung có lần gõ mõ cho đức Phật, anh dịch loại [ sách ] gì đó của đạo Phật, do DAISSETZ TEITARO SUZUKI, khoảng 10 năm sau, thì *An Tiêm* xuất bản, bản dịch Trúc Thiên, [ tựa ] sách là *Cốt tủy của đạo Phật*.

Mai Chửng thì buồn [ về ] nghề điêu khắc, vì không có phương tiện để đục núi [ làm ] tượng, nên sau này quay ra nuôi [ chim ] cút chơi.

Nghe nói, Tô Thùy Yên, cũng trúng một mồi [ chim ] cút lớn, mà sau này có tiền làm xuất bản ( ? ) . Điều này phải hỏi lại. Đời là 1 canh bạc - tôi nhớ, [ đã ] đọc 1 truyện nào đó của Tô



Thùy Yên đang đã lâu. Canh bạc nhỏ thì thắng ở đây, ở đó, rồi gom lần để thua sạch, vì một canh bạc lớn. Tuy nhiên, điều đánh bạc của Dostoievski ấy, không phải là nghề tay phải của anh đâu ? Anh [ có ] *nghề* lắm , ở 1 canh bạc lớn lao , mà lịch sử thời gian, không gian bị bỏ lại. Thời gian , không gian cũng không tương đối; nhưng cũng chẳng bắt di, bắt dịch , cũng chẳng dịch, chẳng hư ; không chẳng là vĩnh thể, chẳng là cái mô hình gì đó cả. Cái sân khấu bi hài kịch, cái viễn tượng mịt mù trong Tô Thùy Yên , anh phất tay áo xua tan tro bụi của ngày mai. Than ôi ! thứ nghệ thuật trang trí của xã hội ngày mai, ắt là không dễ khiến cho người [ làm] văn hóa này hy vọng, tin tưởng dần thân đến, phi thân lùi.

Hãy nhìn từ *Chợ Cũ* ( nay là đường Hàm Nghi, quận 1 ) , tới *Chợ lớn mới*. Trong *Chợ lớn cũ* có hàng vịt quay thơm ngát, mùi hương bay thấu 9 tầng trời, bay thấu 18 tầng địa ngục. 18 tầng địa ngục thì có 10 cửa, rặt bọn du côn, du đảng, trộm cắp, bất nhân, bất hiếu. Địa ngục của đạo Phật lập ra, để nhốt môn đệ cụ Khổng. Còn Thiên đàng đạo Khổng lập ra, để bắt môn đệ đạo Lão nấu thuốc tiên , hái nhân sâm [ *nấu* ] rượu [ *đãi* ] tiệc bàn đào gì đó . Nghĩa là môn đệ Lão Đam thì làm bồi cho các Thần thánh của Khổng Khâu. Tụi này không khoái mấy chỗ đó, khoái *Chợ Cũ*, khoái *Tản Đà* hơn ! Nên ngoài giờ làm việc, hay lấy rượu ở mấy chỗ đó làm vui, đó cũng là những mảnh đất Hứa giữa cõi đời này vậy, chứ chẳng mong ngóng cái đất Hứa, cái quê chung ở đâu trên Trời, dưới Đất xa xôi. Với Tô Thùy Yên, có lẽ anh không cảm thấy có vùng đất Hứa ở đâu cả, bây giờ và mai sau .

\*\*\*

Với Nguyễn Đức Sơn đôi khi người ta biết cúi mình xuống với mọi người một chút, để cho lễ nghĩa nâng mình lên. Những thứ đó, người ta gọi là hạng Nho hương nguyệt, hạng nhà Nho vườn tược, nho thù tạc. Nhưng trong thế giới thời chiến, vậy phủ bốn bề, trên, dưới- đôi khi hình ảnh những con người giống như hình ảnh' *con nai bị chiều đánh lưới không biết đi đâu ngổ sầu bóng tối* ', như câu thơ xưa. Nguyễn Đức Sơn không sầu bóng tối, mặc dầu quá thông cảm với cái hư vô. Ông là một người, biết một vài điều thông cảm với mọi người.

Tôi còn nhớ mãi câu nói của Sơn :

" *Mầy cần sống nên mầy phải hạ mình viết nhiều thứ, tao hiểu* " .

Câu nói lúc đi ngang qua đường Phan Đình Phùng ( nay Nguyễn Đình Chiểu, quận 3 ) , hai đứa chúng ta gặp nhau, và từng hiểu nhau. Nhưng, 1 thời gian qua. ta đã nhận thấy tinh thần ta mỗi lúc một sa sút, còn Sơn- anh trở thành một vùng sương bóng kỳ bí giữa đất trời.

Chung quanh Nguyễn Đức Sơn toàn mây, núi, anh ca hát với Thánh thần trên đỉnh núi vọng về đời mà đôi khi ta lắng nghe được. Ta giật mình, tỉnh ngộ, như đứa trẻ đạt Thiền, hốt nhiên cười ré lên, rồi khóc. Nói đến Thiền, ta xem như các việc lật vật của tư duy - Nguyễn Đức Sơn e ngại co gối trên mái nhà, nhìn trăng mà cười khào !

Nhưng quanh vùng sương bóng của Nguyễn Đức Sơn, còn có khe , suối vọng, có Trời Đất hỏi ? Có rừng núi kêu gọi. và anh giải đáp. Rằng nọ, rằng kia, vốn là có, là không; chớ nên lao xao gợn thiệt, luận bàn ! Viết đến đây, ta cũng xin ngưng.,

Chẳng muốn bàn thêm gì nữa ! Càng ghi nhiều càng *viết bậy về thơ* .

Ta nói chơi cho có chuyện nơi trang giấy này đôi chút vậy !

\* *tựa nhỏ của biên tập.*  
*Saigon, Vietnam, 1973*

L. L. Lan  
*tân mạn*

Nhờ có nhạc sỹ Phạm Duy và tu sỹ Thanh Tuệ tôi mới đọc được một số thơ của Lan sau khi đã phải khó nhọc tìm kiếm gần cả năm trời (thư cho Phạm Duy 5 cái và Thanh Tuệ gần 20 cái ngoại trừ mấy cái quảng cáo mời gọi vô hiệu quả đăng trên 3 tạp chí phát hành rộng rãi nhất hiện nay là Thời Nay, Văn và Bách Khoa). Tôi phải đọc ngay vài câu thơ đầu tiên của tác giả mà tôi đã xem được cách đây gần mười năm cho hả giận:

*tôi đang mơ giấc mộng dài  
đùng lay tôi né cuộc đời chung quanh  
tôi đang nhìn thấy màu xanh  
ở trên cây cỏ rất lành rất thơm*

Bình dị quá, tự nhiên quá, trong sáng quá (dù dĩ nhiên không phải đó là tất cả những tính chất làm tiêu chuẩn tuyệt đối cho thơ) và, sau cùng, con gái quá! Tôi vốn yêu vô cùng cái nữ tính tự nhiên và nồng đậm trong thơ đàn bà (dù tôi cũng yêu vô cùng những đứa con gái có đàn ông tính trong người chút đỉnh). Tôi nghĩ đó là yếu tố quyết định sinh mệnh của thơ họ. Nghĩa là dù họ có đã động đến cái gì, thơ đàn bà là phải làm toát ra cái hơi thở đàn bà từ ngôn ngữ, hình ảnh và âm điệu. Huống hồ là từ bản chất trời sinh, làm sao họ có thể làm cái gì lớn hơn ngoài cái việc bông đùa con trong lòng. Tôi không thiên cận và lạc hậu đâu. Bởi làm sao đào đâu ra một nữ thi hào đúng nghĩa trong văn học sử cổ kim trên mặt địa cầu này (có thể có biệt lệ biệt đầu đối với những hành tinh có người khác). Đàn bà sinh ra là vậy. Họ có thể trở thành một nhà đại bác học nhưng không thể trở thành một thi sỹ lớn đúng nghĩa một cách tuyệt đối.

Bởi vì dù có thể được bẩm sinh một cảm tính thật tế nhị và vi diệu, họ làm gì trải qua những nỗi đau đớn tuyệt đỉnh, hân hoan tuyệt đỉnh, cô đơn tuyệt đỉnh và nhất là có một tâm hồn thật rộng lớn một cách trường kỳ đi kèm theo cái cảm xúc sôi sục như điên thấy rõ ràng những tên đàn ông đặc biệt. Xem thơ đàn bà đối với tôi là thường thức cái hơi hám, cái tính chất gì khác biệt, cái âm tính mà giống đực như tôi chỉ có thể cảm chứ không bao giờ thấy chảy luân lưu trong máu được. Vậy thôi. Nhưng ở L.L.Lan, sau cái nữ tính tràn ngập trong những bài thơ có vần (ngũ ngôn, thất ngôn, lục bát) như trong đoạn thơ phân tích những màu sắc biến thiên phong phú vừa đáng kiêu hãnh vừa đáng âu lo của mình:

*tôi đang nhìn thấy màu hồng  
của tôi thay đổi luôn luôn theo trời  
hoàng hôn màu đỏ mây tươi  
bình minh nắng trắng ấm trôi vào lòng  
những vì sao tím rất trong  
mảnh trăng vàng rờ chờ mong tôi nhìn*

Sau cái thao thức muôn đời của tình yêu (mà tất cả đàn bà dù siêu quần bạt chúng đến đâu cũng muốn dừng lại khi cập bến hôn nhân), có lúc Lan đã đi sâu vào cõi hoang tịch muôn đời của kiếp sống. Có lẽ bà đã đi quá sâu trong thế giới vô về của tình yêu bằng tâm hồn hơn là bằng thân xác nên đã nhìn thấy một cánh cửa mở vào cái cõi âm u ghê rợn này;

*ta đi về chốn nào đâu  
miên man trong cõi u sầu mênh mông  
tái tê làm bước chân ngừng  
ta đi lạc ở trong lòng đau thương*

Vâng, bà chỉ có thể đi lạc đường vào trong cõi đau thương mà thôi. Bà không thể nấn ná ở lâu hơn như đàn ông (dù là một người đàn ông đã có vợ và vô số nhân tình). Nhưng làm sao chúng ta đòi hỏi một người đàn bà phải kéo dài cái “thú đau thương” (chữ dùng của một thi sỹ

tiền chiến) được, dù người đó xem ra rất tận tình, chung thủy và sẵn một tấm lòng hoài cảm mệnh mông:

*tay của người yêu run rẩy sang  
từng trang vờ vợi ôi từng trang  
thời xưa còn lại bao nhiêu đố  
bụi cũ bay mờ hoen không gian*

Hãy nghe tác giả thờ than kín đáo:

*Mùa thu này đến êm như khói  
mưa cũng mong manh nắng cũng buồn  
nên mỗi ngày qua như muốn nói  
người yêu ơi sợ quá thời gian  
Đêm qua trong mộng rưng rưng khóc  
thấy giữa mùa thu ngập lá vàng  
một đóa linh hồn rơi lạc lõng  
trong chiều tan tác ánh chiều tan*

Đọc đến đây tôi có cảm tưởng tất cả sắp chấm dứt. Và người thơ xa vắng trong tác giả cũng tan biến như sương khói nhường chỗ cho sự hiện diện cụ thể và chân chường của người vợ, người mẹ. Cho nên tôi không ngạc nhiên lắm khi thấy tất cả 6 bài thơ của Lan (do Phạm Duy cẩn thận đánh máy và sửa chữa từng chút cho tôi) đều ghi ngày tháng của một khoảng thời gian một năm (1959), một năm mà thôi, một năm thật thi vị của đời người con gái \_tôi đoán. Nhưng Phạm Duy còn hứa khi khỏe sẽ bỏ công đánh máy thêm cho tôi một số nữa trong số 300 bài thơ còn lại của bà. Con số 300 bài mới thật làm tôi ngạc nhiên. Một người đàn bà đã viết được một số thơ nhiều như thế có thể đã vượt qua tình trạng một nhà thơ tài tử rồi.

Nhưng ném một cái nhìn về mười lăm năm nay, rồi 30 năm trước, rồi cả nghìn năm xưa ở đây, tôi đâm ra dè dặt: cái mảnh đất cong cong hình chữ S này \_nơi tích tụ bao nhiêu nền văn minh thế giới và là nơi duy nhất chắc chắn đang làm một tổng hợp-đề xương máu và kỳ diệu cho toàn thể thế giới \_ có sản xuất ra được một đảng quần hồng nào là thơ chuyên nghiệp và sống quần quai với thơ cho đến ngày xuống lỗ đâu. Không phải hỗn hào và vong ơn tiền nhân khi tôi phải nói thật: Đoàn thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan...v.v...dù có thông minh đến đâu đã có để lại cái gì đáng kể cho chúng ta lắm đâu.

Dẫu sao tôi cũng muốn tin rằng mấy trăm bài còn lại của tác giả (mà tôi chưa hề đọc tới) một ngày nào đó, nếu có in ra, sẽ không làm tôi quá thất vọng như bao nhiêu trường hợp khác. Tôi cũng hy vọng sẽ gặp được một hai bài thật đạt và gần như toàn bích như hai bài tôi đã đọc cách đây gần mười năm, một bài lục bát mới mẻ, đầy hình ảnh, gợi cảm, sáng sủa, với lời thơ dễ thương vô cùng nói lên được cái tâm hồn xao xuyến, lo sợ, và tế nhị hiếm có của một đứa con gái ngập ngừng trước ngưỡng cửa của tình yêu và cuộc đời; một bài ngũ ngôn mang cái hồn vừa thản nhiên vừa lạnh lùng như trong thời đại phi thuyền không gian này:

*Chơi vơi trong niềm nhớ  
Mối sầu lên gần mây  
Trăng đã đi theo gió  
Tôi còn chờ ai đây?*

Xin nhắc lại bài thơ này làm năm 1959, hai năm sau cuộc phóng chiếc vệ tinh nhân tạo 80 ký của Nga-sô (vệ tinh thám hiểm không gian đầu tiên của nhân loại) mà thật ra từ sau hiệp định Genève 1954 nhiều người đã đoán trước và bàn bạc liên miên. Không hiểu một đứa con gái như tác giả lúc đó có lưu ý được gì đến bước nhảy thật dài đó của khoa học hay không. Không

hiểu cô ta có giựt mình khi ý thức rõ ràng cái mệnh mông chòm ngọp của vũ trụ không. Chỉ biết cô ta biết tiết chế cái nữ tính vào cái tâm trạng bàng hoàng chung của thời đại:

*Có mối sầu bên cạnh  
Vẫn lạnh lòng hồn ơi  
Hương tình yêu mỏng mảnh  
Bay đi đâu xa rồi*

Để cho tình ý vừa đậm, vừa sâu, vừa xa vắng hơn. Càng đọc càng thấy nó dàn rộng ra mông lung. Vậy mà nó đã chịu nén trong mấy câu thơ năm chữ ngắn ngủi đó. Nó đã đạt có lẽ một phần nhờ cái tài tự nhiên làm cô đọng cảm nghĩ của mình mà đồng thời không làm đặc ngôn ngữ, cái cạm bẫy của thơ ngũ ngôn luôn luôn giăng ra cho những anh chàng thi sĩ dáo dác và ham hố sa vào. Hãy đọc thêm một lần nữa hai câu:

*Có mối sầu bên cạnh  
Vẫn lạnh lòng người ơi*

để thấy rõ ràng cái tâm hồn con gái không thường tình của bà. Tác giả đang yêu như mọi người, đó là cái chắc. Nhưng lọt vào cái thế giới đó rồi, đứa con gái là tác giả lúc ấy không nhắm mắt nằm yên để tận hưởng nỗi sâu mông và nhớ nhung êm ái của mình. Bà đã không chịu dừng lại. Hay nói một cách chính xác hơn, cảm xúc đã dẫn bà chạy đi thật sâu đụng vào một cánh cửa mở ra một thế giới khác, thế giới thân yêu mà những tâm hồn lớn vẫn thường xuyên lui tới vừa như một biệt ân vừa như một hình phạt hay nghiệp dĩ: cảnh trời đất không cùng và nỗi đau khổ bao la nghìn đời của kiếp sống. Cho nên bà đã lạnh lòng, không phải lạnh lòng như một chứng bệnh tâm-sinh-lý bất hạnh nhất của riêng đàn bà, mà bởi cái cảm tính tinh vi cùng tâm hồn khá rộng lớn của tác giả. Không lạ gì khi thấy đứa con gái đang yêu đó đã nhìn thấy trong tâm tưởng:

*hương tình yêu mỏng mảnh  
bay đi đâu xa rồi*

và trở về thực tại nặng nề có phần trơ trên, bứt rứt và chán chường:

*trăng đã đi theo gió  
thì còn chờ đợi ai*

Đó cũng là một trong những bài thơ tình hay nhất, ít ra trong vòng mười lăm năm nay. Nó kết hợp một cách tài tình tâm sự bé mọn riêng tư của một đứa con gái với cái tâm trạng chung bao quát của thời đại. Nó đánh bạo chõ theo luôn cái không khí của thời đại và lấy đó làm không khí luôn cho bài thơ ngắn của mình. Thật khó tưởng tượng một đứa con gái làm thơ coi như tài tử là L.L.Lan lại thành công trong công việc đó. Vậy mà người ta không thể nào mở xẻ xem những chữ nào, câu nào đã dung chứa được cái không khí âm u và cái tâm trạng mang mang đó. Bởi chữ và lời thì bình thường. Còn kỹ thuật thì có gì cao và lạ đâu. Người ta chỉ thấy đứa con gái đó khôn ngoan chịu nổi những ý tưởng của mình trong từng đoạn bốn câu thơ ăn cả vần trắc lẫn vần bằng xen kẽ nhau một cách chặt chẽ từ đầu đến cuối, như:

*Trời dài như tấm lụa  
Buông kín đầu ngàn cây  
Ngàn cây mê ngủ quá  
Gió lay hoài không hay*

Mà tứ thơ lại vô cùng tự nhiên, nhẹ nhàng, chơi vui.

Có phải thật sự một số luật lệ cổ hủ nào đó trong thơ như vần điệu muôn năm vẫn là nơi thử lửa rực rỡ nhất của chân tài hay không. Có phải đôi khi luật thơ càng chặt chẽ, thì tài càng phát hiện ngùn ngụt như bốc khói hay không. Có phải những phong trào thi ca như Đa Đa, Dã Thú v.v...ở Âu Châu tuy có khác nhau nhưng đã cùng đua nhau phá sản và đổ ào ào bởi vì

muốn tiêu hủy hết những luật lệ mang tính chất gần như tiên thiên của thơ như vần điệu và sự liên hệ mật thiết giữa cách diễn tả và tư tưởng hay không. Người ta đã hô hào đi tìm lại cái có thể gọi là sự thật đích đáng hay chân lý chời vơi ngoài những giao ước mặc nhiên và tự nhiên của ngôn ngữ. Những kẻ đứng đầu gió (chứ không phải những kẻ theo đuôi một cách vô ý thức) những phong trào này thật ra đã cảm thấy chói vơi cái bất lực của ngôn ngữ và cái lý sự đã cùng đường của mọi lý luận và mọi cảm nghĩ. Họ đã quần quai đến cái độ tưởng như sắp điên thật rồi. Đó là cả một nhược điểm. Bởi vì họ đã không thâm trầm như những thi sĩ Đông Phương biết mình biết người, biết âm biết dương, biết trời biết đất, để điều tiết những cơn quậy và vùng vẫy của ý thức mình. Mà trên hết cũng tại vì họ kém tài. Cho nên họ đã đưa thơ họ vào con đường cụt của sự tự sát ngu xuẩn nhất.

Nói như thế không phải lạc hậu, bảo thủ để đi đến chỗ không chấp nhận ngay những phá phách rục rờ của thơ tự do. Tuy nhiên chúng ta chỉ công nhận những phá phách có thật và mạnh mẽ phát xuất tim máu óc não do cảm xúc bắn vọt ra hay đẩy tới từ từ mà kinh nghiệm cá nhân của tác giả viết bài này đã trải qua khi viết bài "Độc Thoại" cách cả mười năm:

*Đàn ông thì có lông*

*Đàn ông thì có một cái đầu*

*Đàn ông thì tự sát*

*Đàn ông thì còn sống*

*Ồ đàn ông đàn ông*

Tôi đã dày công bỏ cả tháng trời với ý định thử rút cái ý tưởng cùng khí lực ngắt ngoẻo của bài thơ trên nhét vào một bài thơ thường (bốn chữ, năm chữ, sáu chữ, bảy chữ... có vần điệu đường hoàng) để thử xem nó có còn là thơ và nhất là có gọn ghẽ, dễ nhớ hơn không. Tôi đã thất bại hoàn toàn. Trước hết chúng không có cách chi hoàn hảo như những đoạn ngũ ngôn, tứ tuyệt có vần điệu thẳng rặng ví dụ cũng của tôi như:

*Một đêm trăng mờ ảo*

*Anh tìm về thăm em*

*Phố buồn như hoang đảo*

*Gió ngừng ru bên thềm*

của một người bạn trẻ là Đặng Tấn Tới:

*mai kia ai ngờ*

*lông cũ như mơ*

*lên con tàu mới*

*chạy về ban sơ*

*níu song cửa sổ*

*khóc rờn cảnh xưa*

của một thi sĩ người Nam có tài là Trần Tuấn Kiệt:

*em hát trong rừng sao*

*tôi ngủ dưới cội đào*

*chợt mùa đông tuyết phủ*

*biết tìm em phương nào*

và ngay cả của nhà thơ tài tử L.L.Lan:

*chung quanh đêm tan mãi*

*từng làn ánh sáng phai*

*tôi nghe hồn run rẩy*

*chiếc bóng gầy làm hai*

Tôi đã sẵn trốn đi hơi xa giới hạn một bài viết về một thi sỹ, một nữ thi sỹ, một nữ thi sỹ tài tử, một nữ thi sỹ tài tử ẩn danh hầu như chưa có độc giả nào biết là L.L.Lan. Tôi thật buồn khi biết rằng tác giả đã bỏ làm thơ. Tôi thật chán nản khi biết rằng nếu tác giả có tiếp tục cũng chỉ rước lấy thất bại có thể tác giả chưa hề nếm mà thôi.

Ôi định mệnh đối với những thi sỹ Việt Nam nhất là đối với những nữ thi sỹ sao khắt khe quá vậy. Họ sống quá ngắn cái tuổi của thơ so với cái tuổi đời của họ. Riêng đối với L.L.Lan, người đã làm một số thơ kỷ lục bất ngờ về phía các nữ sỹ (trên 300 bài theo lời nhạc sỹ có biệt tài soạn lời ca rất thơ là Phạm Duy), chúng ta có lý do gì đặt một chút hy vọng nào không? Tôi cảm thấy một nỗi đau thương nhẹ nhàng khi đã sinh cùng thời với tác giả mà không được gặp. Nhưng mà tại sao chúng ta lại tham lam như thế, không sợ cái hồn nữ sỹ của thời con gái với những tháng ngày mộng mị và thao thức trở về van xin hay sao:

*Đừng lay tôi nhé cuộc đời  
tôi còn trẻ quá cho tôi mơ màng.*

### **Nguyễn Đức Sơn**

(trích tạp chí Bách Khoa, xuất bản tại Sài Gòn, số 307, 15-10-1969)

*gio-o.com tuyển chọn và giới thiệu*

*Các tác giả đã sáng tác trong giai đoạn 1954-1975 ở Miền Nam Việt Nam*

*Cùng với những bài tản văn, ghi nhận, phê bình, giới thiệu, thơ phổ nhạc; của các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình; và của các độc giả đặc biệt có những gắn bó với triều đại Thơ Tình Nam 1975 này.*

*Chủ Biên: Nguyễn Thị Lệ-Liễu*

*với sự cộng tác và đóng góp của: Nguyễn Kim Anh, Đàm Kim Liên, Lý Ngọc Sơn, Ngu Yên, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Hạ-Lê Nguyễn, Nguyễn Đức Sơn, Trần Hoài Thư, tạp chí Khởi Hành, Cao Thoại Châu, Bạch Trúc, Lê Đình Phạm Phú, Lê Vĩnh Phúc, Bảo Khanh, Nguyễn Thanh Châu, Hải Lưu, Trần Đại Vỹ Dạ, Nguyễn Phương Sơn, Võ Chân Cửu, các tạp chí VĂN, BÁCH KHOA, KHỞI HÀNH, Ý THỨC, SÁNG TẠO, VĂN ĐỀ, TUỔI NGỌC, VĂN NGHỆ TIỀN PHONG, xuất bản tại Sài Gòn trước 1975... Và đặc biệt nhà thơ Chu Ngạn Thư đã chụp lại và gửi cho, nhiều bài thơ tình trên các báo cũ ...*

### **Nguyễn Đức Sơn: Vòng quay sinh tử Đình Từ Bích Thủy**

Tôi bắt đầu tìm hiểu về Nguyễn Đức Sơn khi bất chợt đọc được đoạn văn nói về ông trong bài viết của nhà thơ Nguyễn Đình Toàn trên báo Người Việt (đăng ngày 11 tháng 11 năm 2006):  
*Thay vì "làm học trò không có sách cầm tay, có tâm sự đi nói cùng cây cỏ" (Đình Hùng), chàng trai mới lớn trong thơ Nguyễn Đức Sơn giấu trong cặp "chiếc băng vệ sinh" nhặt được ở đâu đó ngoài đường.*

*Người đàn bà, người nữ, xuất hiện trong thơ Nguyễn Đức Sơn, không mặt mũi nhan sắc, trước tâm nhìn (thôi, cứ coi là tình cờ) của chàng trai mới lớn, ngồi xuống và "em chưa đá mà hồn anh đã ướt".*

Hình ảnh Nguyễn Đức Sơn giấu trong cặp 'chiếc băng vệ sinh' vô danh/vô thừa nhận đã ám ảnh tôi từ lúc đó. Tại sao nhà thơ lại làm như vậy, đó có phải là một hành động "nữ quyền" đi trước thời đại hay còn một mục đích nào khác?

Sống, lớn lên, và học hành ở Mỹ, từ lúc viết và xuất bản trong tiếng Anh khởi sự từ năm 1991, tôi nghiêm nhiên coi mình là một người viết Mỹ gốc Việt. Những gì tôi biết về văn chương Việt Nam trước đó cũng không nhiều. Tôi đã tưởng rằng những nhà văn, nhà thơ Việt Nam trước thời tôi là những người phần nhiều cổ kính, mầu mực, với gu thẩm mỹ và cách sống không khác bố mẹ tôi. Tuy đã đọc văn chương Tự Lực Văn Đoàn và thơ của Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, và Lưu Trọng Lư, cùng cách lãng mạn của thi văn Tiền Chiến cũng không làm thay đổi cái nhìn chung của tôi: lúc đó tôi nghĩ những nhà văn, nhà thơ của Việt Nam là những con người thơ mộng, u hoài, bị đè nén triền miên, và vì vậy tôi đi tìm sự tác động và nổi loạn trong văn học hiện đại của Hoa Kỳ và Âu Châu.

Điều mâu thuẫn (mà tôi không nhìn thấy lúc đó) là ngay trong lúc thấy mình được tự do khai phá trong giòng văn chương ngoại ngữ, tôi đã chọn cho mình một đời sống rất cung cách và bình thường. Thay vì nổi loạn, tôi đã theo học Luật, rồi ra trường và nhận việc làm trong một cơ sở thuộc ngành tài chánh của chính quyền Hoa Kỳ. Số phận di dân (con gái đầu lòng trong một gia đình có 6 người con) không cho phép tôi làm những chuyện ngông cuồng. Tôi nghĩ mình chỉ là một con người thực tế thích sự an toàn. Tôi theo nghề Luật và do đó đã chọn thái độ “nằm xuống” thay vì nổi loạn—theo nghĩa của Nguyễn Đức Sơn trong *Ý Tưởng Chiều Tà*—để không lâm vào cảnh “chết đói” của những sinh viên theo ngành chữ nghĩa chỉ vì không đủ khả năng học lấy bằng kỹ sư điện toán hay theo nghề thuốc. Đã từ nhiều năm, tôi vẫn hỏi mình câu hỏi không có lời giải đáp, mà về sau tôi mới biết cũng là câu hỏi của Heidegger trong *Sein und Zeit (Hữu thể và Thời gian)*, và của Nguyễn Đức Sơn cùng những nhà văn miền Nam cùng thời với ông: “Làm sao để sống hết sức thực lòng trước những giới hạn của số phận?”

Ngoài chuyện cảm phục tác phong độc lập của một nhà thơ “quái dị,” tôi cũng muốn tìm hiểu thêm về Nguyễn Đức Sơn từ khía cạnh giới tính, vì tôi thấy ông đã đi xa hơn những nhà thơ Việt cùng thời khi diễn tả vai trò phụ nữ trong quá trình sáng tác của ông. Khi chứng kiến cảnh phụ nữ tiểu tiện, Nguyễn Đức Sơn không bị “chồn dạ” mà trái lại còn có vẻ bị mê hoặc bởi hình ảnh người con gái đẹp hành động vô tư theo bản năng:

### Một Đêm Vàng

*không biết trong mơ em còn mắc cỡ  
một đêm vàng rúng động giấc thanh tân  
dưới chần chiếu thiên nhiên lồ lộ mở  
em đái dầm ướt sẫm cả trần gian  
(trong tập Đêm Nguyệt Động)*

và, tương tự, nhà thơ sẽ hoặc đã “đến” khi chứng kiến

### Vũng Nước Thánh

*anh sẽ đến bất ngờ ai biết trước  
miệng khô rồi nẻo cực lạc xa xôi  
ôi một đêm bụi cỏ đáng thu người  
em chưa đái mà hồn anh đã ướt  
(trong tập Đêm Nguyệt Động)*

Khi tìm hiểu về Nguyễn Đức Sơn, dần dà tôi không thấy ông xa lạ lắm với khuynh hướng nửa Tây nửa Việt, nửa nổi loạn nửa hòa đồng của chúng tôi, là những người viết sinh ra trong đầu thập niên 1960 và rời Việt Nam ở tuổi 12, 13. Lê Thị Thắm Vân, một người viết cũng xê xích cùng tuổi với tôi, đã khai phá những đề tài tương tự (nhưng vẫn còn taboo) về thân phận, thể

xác và giới tính trong những truyện của chị, gần đây nhất là truyện *Là Con Người* trên Da Màu. Ở một khía cạnh nào đó, Nguyễn Đức Sơn đã trở thành gần gũi với những người viết hải ngoại trong thế hệ tôi vì ông đã dám “cực đoan” từ 50 năm trước. Đồng thời, Nguyễn Đức Sơn không gây sốc như những nhà thơ của thế kỷ 21 vì ông dùng những từ ngữ bóng bẩy, gần như cổ điển để gọi lên, thay vì diễn tả kiểu *full frontal*, những nét tục của thể xác.

Võ Phiến, cách đây gần nửa thế kỷ trước, đã cảm nhận sự tương đắc ở tâm trạng nổi loạn, cùng lúc nét sâu sắc về kỹ thuật trong thơ Nguyễn Đức Sơn. Tuy nhiên, để chứng minh rằng nhà thơ không phải là một nghệ sĩ nhếch nhác hay “vô kỷ luật,” Võ Phiến đã phải giảng giải vào năm 1966 như sau:

*Viết, hay vẽ, hay đàn hát v.v., đành là để tạo ra một hình thức đẹp, nhưng trước hết là vì muốn biểu hiện một tâm trạng, muốn thoát ra ngoài một chứa đựng gì trong lòng. Hai ý định có khi không gặp nhau. Có những hình thức đẹp mà không chứa đựng. Lại có những trường hợp mà cái chứa đựng phong phú không tìm được hình thức thích nghi. Riêng về chuyện bực dọc trước nếp sống ngày nay, có lẽ Nguyễn Đức Sơn chúng ta không phải tào tợn hơn hết đâu. Trên các tạp chí, trên những tác phẩm xuất bản năm bảy năm nay, thiếu gì quái dị được bày ra. Kẻ thường thức không phải ai nấy đều hẹp hòi không chấp nhận được những quái dị đó; có điều đáng tiếc là ít khi nó gặp được một hình thức biểu hiện đẹp đẽ.*

*Bởi vì dù để diễn tả sự phẫn nộ, cuồng loạn, cách diễn tả cũng phải vâng theo một kỷ luật, cái kỷ luật tự nó tìm ra. Không thể không thành được nghệ thuật, dù là nghệ thuật điên loạn. Vứt màu loạn xạ lên khung vải là một hoạt động có thể rất bỏ ỉch đối với nghệ sĩ nhưng rốt cuộc không đưa tới thành công nghệ thuật nào. Bước nhảy Twist có loạn tới đâu cũng không phải là thứ bước chân vô kỷ luật chen nhau chỗ chọi trời. Những hò hét, những inh ỏi của nhạc Jazz không giống tiếng đấu khẩu ngoài công lộ; nó vẫn có tiết điệu riêng của nó. Nghệ phẩm nào dù có cốt giải tỏa một ẩn ức, đồng thời cũng phải thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ [1]*

Ở đầu thế kỷ 21, đối với thế hệ người viết được lớn lên và hấp thụ giáo dục và văn hóa Mỹ, những điều Võ Phiến phân tích nhằm khuyến khích sự nhân nhượng của độc giả Việt Nam khi thường thức nghệ thuật “nổi loạn” đã trở nên khuôn phép, bảo thủ, thậm chí ngay vào thời điểm của những năm 60 đã có phần hồ đồ, không chính xác. Thế nào là “*cái kỷ luật tự nó tìm ra*”? Câu “*Vứt màu loạn xạ lên khung vải là một hoạt động có thể rất bỏ ỉch đối với nghệ sĩ nhưng rốt cuộc không đưa tới thành công nghệ thuật nào*” ám chỉ nghệ thuật tạo hình của Jackson Pollock, một họa sĩ tiền phong của Hoa Kỳ, đã nổi tiếng trong cách vẩy tung tóe những giọt sơn trên khung vẽ từ thập niên 1950. Nghệ thuật của Jackson Pollock, trái với lời quả quyết của Võ Phiến là “không đưa tới thành công nghệ thuật nào,” đã cách mạng hóa nền hội họa Hoa Kỳ cũng như truyền thống hội họa hiện đại của quốc tế sau thời Đệ Nhị Thế Chiến.

Khi Võ Phiến nói đến “*những hò hét của nhạc Jazz*,” thì tôi nghĩ có lẽ ông đã chưa thật sự nghe nhạc *jazz* (vì tuy *jazz* ứng biến, tôi không thấy *jazz* “hò hét”), hoặc đã làm nhạc *jazz* với điệu gào thét thiết của *blues*, hay của nhạc *gospel* (thánh ca) da đen. Dù sao thì *jazz* cũng đã được thịnh hành ở Hoa Kỳ từ thập niên 1920. Lúc Võ Phiến giải thích về sự “hỗn loạn” của loại nhạc này cho độc giả Việt vào thập niên 60 thì *jazz* đã được công nhận gần như là một loại nhạc truyền thống của Mỹ. Khi phủ nhận nghệ thuật/kỷ luật của “*tiếng đấu khẩu ngoài công lộ*,” Võ Phiến đã không thể tưởng tượng rằng loại nhạc *hip hop* hay những âm điệu “phổ chợ” đã trở nên rất thịnh hành trong nền âm nhạc quần chúng quốc tế của ngày hôm nay. Tóm lại, khái niệm “*hình thức biểu hiện đẹp đẽ*” và “*nhu cầu thẩm mỹ*” đã được Võ Phiến coi nghiễm nhiên là một tiền đề, tuy chưa được ông định nghĩa hay phân tích thỏa đáng trong bài nhận định đầy phong thái quan lại nhưng thật ra hời hợt của ông.



Ngoài những cách biệt tạo nên bởi không gian, thời gian, và cảm nhận văn hóa, những bài viết về Nguyễn Đức Sơn thường có chiều hướng phán xét về con người “thật” của Nguyễn Đức Sơn, thay vì chú trọng vào sự nghiệp nghệ thuật của ông. Cách đây không lâu, bài *Người Đàn Bà Trên Đồi Cỏ* của Đào Hiếu làm tôi nghĩ đến cuộc đối thoại giữa Goethe và Hemingway trong tiểu thuyết *Bất diệt (Nesmrtelnost)* của Milan Kundera:

Hemingway: Này, Johann, họ cứ nói xấu về tôi. Thay vì đọc sách của tôi, họ lại viết sách về tôi. Họ bảo tôi không yêu mấy bà vợ của tôi. Rằng tôi lơ là bỏ bê thằng con trai tôi. Rằng tôi đắm võ mặt một nhà phê bình. Rằng tôi ba hoa hợm hĩnh. Rằng tôi thích liêu mạng, trác táng...

Goethe: Đó là định nghĩa của sự bất diệt. Bất diệt ám chỉ phiên xử vĩnh hằng.

Hemingway: Nếu thật sự đó là phiên xử vĩnh hằng, thì phải có quan tòa công bằng chứ, ai đòi lại có mục giáo miệt vườn, cầm cái roi ve vầy.

Goethe: Cái roi ve vầy trong tay mục giáo miệt vườn, đó chính là phiên xử vĩnh hằng. Ông còn muốn gì nữa, Ernest?

Hemingway: Tôi không muốn gì hết. Tôi tưởng chết rồi thì tôi sẽ được yên thân.

Goethe: Ông đã làm mọi chuyện có thể làm trong lúc còn sống để bảo đảm sự bất diệt.

Hemingway: Nhảm quá. Tôi chỉ viết sách. Thế thôi.

Goethe (cười phá): Thì đúng như vậy đó.[2]

Có lẽ điều công bằng nhất là dùng chính văn bản của Nguyễn Đức Sơn như bằng chứng cụ thể để tìm hiểu về ông.

Nguyễn Đức Sơn đề cập chuyện tôn sùng triết gia Hy Lạp Héraclite (Heraclitus) như bậc thầy, qua thơ cũng như qua truyện ngắn *Ý Tưởng Chiều Tà*—mà tôi coi như *manifesto* về khuynh hướng văn học của ông. Heraclitus đã định nghĩa sự tuần hoàn của vũ trụ như sự kết hợp của hai đối nghịch: sự biến hóa không ngừng của thiên nhiên cũng chính là tinh chất đời đời của nó. Xuân, Hạ, Thu, Đông lần lượt đến với mọi thi sĩ từ cổ chí kim, không khác gì những thịnh suy thông thường của thế xác và dục vọng. Những thềm muốn bình thường của con người cũng cưu mang cả một vũ trụ huyền bí, chính vì, hoặc cho dù chúng biểu hiện cho lẽ sống *đông khung trong thời gian*. Lời thố lộ của Nguyễn Đức Sơn rất chân thật và cảm động qua phần giới thiệu cho tập thơ *Đêm Nguyệt Động* (An Tiêm: 1967):

*Ngưỡng mộ Héraclite, Fyodor Dostoyevsky và Simone Weil. Yêu chim chóc và cỏ cây một cách lạ lùng nhưng cũng quá cần ngủi mùi quần áo lót của đàn bà và con gái, cần khăn thiết và triền miên cho tới ngày chui xuống lỗ. Đó là một trong những chỗ chết quần quai của tác giả. Như suốt đời cứ lạng chạng và thú vị đi từ làm lẫn này đến làm lẫn và hối hận khác. Một buổi chiều trốn học lang thang trên bờ biển Nha Trang, thời niên thiếu, tác giả suýt nổi cơn điên khi trực nhận mãnh liệt cái quá ư ngắn ngủi của kiếp sống và từ đó đâm ra khật khùng cho đến nay. Tuy vậy có thể cầm dao lụi tức tốc quân xâm lược nào ở bất cứ nơi nào trên trái đất. Rất có khiêu và say mê đi câu nhưng không thể nào không rùng mình khi cắt cổ một con cá nhỏ còn sống ....*

Trong thi văn của Nguyễn Đức Sơn, tôi không thấy sự hiện diện của Đấng Tối Cao, hay một hứa hẹn cho một thế giới trường cửu sau cái chết của con người. Cuộc sống con người, trong bối cảnh trần gian, kích thích bởi cái đối (có rất nhiều cảnh đối trong những truyện ngắn của Nguyễn Đức Sơn, và trong những giai thoại về ông từ những nhà văn cùng thời[3]); những xung đột giới tính, địa lý, và chính trị, trở nên mãnh liệt và đáng ghi nhớ vì chúng vây bủa cả một đời người. Tuy vậy, qua những truyện ngắn tiêu biểu như *Đêm Tiệc Trần Gian*, và *Con Chuột Cống*, cùng bài thơ *Đi Thăm Bạn Sắp Đẻ ở Di Linh*, Nguyễn Đức Sơn lập luận rằng con người vẫn có thể định đoạt chính số mệnh mình qua cách sống, cũng như trong cách kết thúc cuộc đời. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Đức Sơn ngưỡng mộ Simone Weil (nhà văn và triết gia Pháp khổ hạnh được đồn là đã tuyệt thực chết để tranh đấu cho tiếng nói của những nạn nhân chiến tranh).

Tôi đoán rằng nhà thơ cũng đã đọc *Hữu thể và Thời gian* của Martin Heidegger (một triết gia cũng đã từng thuyết trình về Heraclitus), và do đó đã áp dụng khái niệm *dasein* (tạm dịch là *ý thức về thân phận*) của Heidegger vào bối cảnh Việt Nam thời Đệ Nhất Cộng Hòa trong truyện *Ý Tưởng Chiều Tà* [4]:

*Con gái làm sao trông thấy trái đất này đang quay và nhất là ý thức được sự tuần hoàn kỳ cục kia. Họ chỉ nhìn thấy chu kỳ những hoàng hôn êm ả ....*

*Anh đã trả lời giùm [sic] cho các bạn anh, những người bạn có thể chống đối nhau toàn diện trên bất cứ quan điểm chánh trị, xã hội, văn nghệ, hay đến cả đời sống hàng ngày nói chung nhưng họ gặp nhau, thân nhau và nhận thức chân lý rằng bản chất muôn đời của trí thức là phản kháng, rằng cái trách nhiệm đầu tiên và vinh dự cuối cùng của trí thức chống đối, bằng phản ứng tự động mạnh nhất và hết mình ....*

*Nhiều thanh niên thấy trái đất nó quay, nó quay, nó quay. Nhưng họ bị chóng mặt và không muốn nhìn nữa. Họ nằm xuống và quên đi vĩnh viễn. Đó là thân phận nhân loại.*

Theo Heidegger, và được áp dụng qua văn chương của Nguyễn Đức Sơn, khái niệm hiện hữu của con người không thoát ra khỏi khuôn khổ của thời gian, mà đã được hạn định trong khoảng cách giữa sự chào đời và giờ phút cáo mệnh. Hiện hữu chính là *trần gian*. Nhận định của nhân vật Tâm trong *Ý Tưởng Chiều Tà* về chuyện “con gái không thấy trái đất nó quay” có lẽ không hẳn biểu lộ sự kỳ thị giới tính của nhân vật hay của tác giả, mà hàm chứa sự chấp nhận gần như tự nhiên của phụ nữ về số phận. Con gái không thấy trái đất nó quay vì con gái, như thiên nhiên, mang trong người những chu kỳ, do đó không thể cưỡng lại chính yếu tố giới tính của họ. Trong bài thơ *Mang Mang*, Nguyễn Đức Sơn đặt câu hỏi:

*Tôi về lắng cả buổi chiều*

*Nghe chim ăn trái rụng đều như kinh*

*còn một mình hỏi một mình*

*có chẳng hôn với dáng hình là hai*

Như băng vệ sinh mà Nguyễn Đình Toàn đã nhắc tới, một lần nữa tôi bắt gặp hình ảnh “rụng đều như kinh [nguyệt]” trong thơ Nguyễn Đức Sơn. Có lẽ khái niệm kinh nguyệt đã phối hợp hai đối nghịch trong nhân sinh quan của ông: chuyện có kinh là một chuyển tiếp giữa thời thơ ấu và hành trình làm đàn bà của phụ nữ. Hình ảnh trứng rụng như sự lơ lửng giữa hư vô và hiện hữu: trứng rụng, nếu không được tinh trùng nhập vào, sẽ được bài trừ theo kinh nguyệt hàng tháng, còn nếu trứng được kết mầm, sẽ tạo nên sự sống. Kinh nguyệt là “của nợ,” là sự phé thải đầy máu me, và ở một khía cạnh nào đó cũng có thể biểu tượng cho cuộc nội chiến Nam-Bắc mà Nguyễn Đức Sơn đã chứng kiến trong suốt thời trai trẻ của ông. Kinh nguyệt, như chu kỳ thời tiết trong thiên nhiên, như chuyện sinh tử, là một phạm vi gần như vô nghĩa nhưng xảy ra đều đều nếu không có sự phối hợp giữa âm và dương.

Tôi suy tư nhiều về sự nhận xét của Nguyễn Đình Toàn, *Người đàn bà, người nữ, xuất hiện trong thơ Nguyễn Đức Sơn, không mặt mũi nhan sắc, trước tầm nhìn (thôi, cứ coi là tình cờ) của chàng trai mới lớn ....*

Tôi không nghĩ hình ảnh người đàn bà trong thi văn Nguyễn Đức Sơn chỉ là nhục cảm của một thanh niên mới lớn. “Nàng” cũng không hoàn toàn là một đối tượng tình cờ hay thuận tiện ở ngay trước tầm nhìn của nhà thơ, hoặc đóng vai *muse*/Phật Quan Âm thụ động và câm lặng như *Người Đàn Bà Trên Đồi Cỏ* của Đào Hữu. Trái lại, người nữ này hiện hữu ở cùng khắp không gian của Nguyễn Đức Sơn, nàng ám ảnh ông vì nàng có vẻ quá ... nhơn nhơn trong tinh chất *organic* của mình (được thể hiện khi nàng đi đái, hay có kinh) trong khi nhà thơ vẫn bị dằn co bởi quá nhiều xung đột trong/ngoài hữu thể của ông.

Trong *Ý Tưởng Chiều Tà*, nhân vật Tâm đã đề cao nét đẹp trần thế, gần như ...phớt tình, của phụ nữ trong thư gửi Nga, người yêu của anh:

*Anh tưởng tượng khi vừa mở mắt chào đời, đưa con gái nào cũng đã bắt đầu hãnh diện ngay. Nằm trong nôi quơ tay quơ chân tầm bậy tầm bạ như đuổi bắt trống không cũng cứ hãnh diện đi, hồi bé con lớn lên sẽ thành con gái, lớn một chút sẽ thành đàn bà và yêu tình cùng một lúc. Hồi con gái, hãy hãnh diện đi. Từ nhà đến trường cũng cứ hãnh diện. Xách giỏ đi chợ cũng hãnh diện. Đi ra đi vô cũng hãnh diện. Dù không bao giờ thấy trái đất này nó quay, nó quay. Hãy cứ hãnh diện, hãnh diện, như mặt đất này nó quay, nó quay.*

Đoạn văn trên cũng tương tự như bốn câu thơ ca tụng “các em” của nhà thơ:

### Hành động

*các em hãy cùng công kênh trái đất  
dang chân dài lấy thế trước hư vô  
anh núp rình sợ thần thánh về xô  
dành tác phẩm muôn đời to lớn nhất.*

Có phải qua bốn câu thơ trên Nguyễn Đức Sơn đã hưởng ứng với tâm trạng của Hồ Xuân Hương, tuy theo giai thoại là bị bùn đất làm ngã trượt nhưng vẫn giữ thái độ ngang tàng:

*Dang tay với thử trời cao thấp  
Xoạc cẳng đo xem đất vẫn dài.*

Nét đẹp trần thế của đàn bà, tuy nhuốm đầy tục lụy, cũng không kém phần huyền hoặc, gợi lên những phản ứng mâu thuẫn từ ánh nhìn đàn ông. Trong *Đêm Tiệc Trần Gian*, lão Phụng, người ở trọ nhà ông bà Đại (một gia đình Bắc di cư nghèo sống ở khu nhà bè Thị Nghè), đã cảm nhận chân dung phức tạp của bà Đại, và của giống cái nói chung:

*Có những buổi trưa nóng nực, lão Phụng đi xuống thang gác trông thấy cảnh con heo nái nằm nghiêng một bên, vú thũ ra bị một đàn heo con tranh nhau bú và khi lão quẩy gánh ra đi, lúc qua phòng bà Đại, lão cũng trông thấy cảnh tượng tương tự: người đàn bà đó đang nằm ngủ, hai vú xè ra, một vú đang được thằng con nhỏ sau cùng – thằng bé Lộc – ngậm kín và vú kia cũng đang được con Liên – em bé lên bốn – ngậm kín luôn. Con Liên không biết vì quá đói ăn hay vì một chứng tật tâm sinh lý nào mà đến bốn tuổi hãy còn nương vú mẹ. Đó là chưa kể một đứa con còn nằm trong bụng nữa. Những lúc đó, lão Phụng đưa mắt nhìn thật lâu. Đôi mắt cứ đăm đăm về phía bụng và vú mẹ Đại. Nếu có ai bắt gặp, thế nào người ta cũng nghi ngờ lão Phụng có ý tà dâm. Thật ra, dù đã hơn sáu mươi tuổi, lão Phụng vẫn còn thoáng thấy một tình cảm ước ao dục vọng. Những tình cảm này chỉ đến sau, hoàn toàn đến sau. Lúc nhìn bà Đại, lão đã bị thúc đẩy hay thu hút bởi một tình cảm khác, hoàn toàn khác dù không ai tin. Lão chú ý từng vệt mồ hôi nhễ nhại chảy từ tóc tai, từ thân, từ cổ xuống ướt sũng cả áo và ván gỗ chiếc đi-văng. Lão sống trong một tình cảm vừa thương hại đau khổ vừa giận dữ uất nghẹn vô biên. Hai thứ tình cảm dị loại này nhiều lúc chỉ là một. Nó có hai mặt đó thôi .... Nhìn mãi, lão thấy gớm tởm và đến một lúc nào đó, tự nhiên lão thấy tức chết được nếu còn trông thấy cảnh tượng đó. Chỉ có những lúc lão mới nhận thấy sự hy sinh cao cả cùng sự tối tăm, ngu đần của một người mẹ, một cái máy đẻ có tình cảm.*

Sự cảm nhận của lão Phụng về “sự hy sinh cao cả cùng sự tối tăm, ngu đần của một người mẹ, một cái máy đẻ có tình cảm” tuy có phần khắc nghiệt, nhưng khá chính xác khi diễn tả đặc tính sinh con đẻ cái của phụ nữ. Vì sự đòi hỏi của thể xác trong một khoảnh khắc, hoặc vì không biết những phương thức ngừa thai, người đàn bà mỗi lần mang nặng đẻ đau là mỗi lần tự sát, nhưng chính cơ thể họ, cũng như tình yêu (hay bản phận) cho chồng, cho con, đã giúp họ quên đi nỗi đau sinh nở để họ tiếp tục sinh nở, tiếp tục tự hủy mình trong mỗi thời ở cữ. Sự huyền bí

đầy khiêu khích của giống cái là chuyện họ không cảm thấy trái đất quay tụy họ lại chính là yếu tố làm nó quay. Vòng sinh tử của nhân loại vì thế quay liên tục, từ thời này sang thời khác, kéo theo với nó bao nhiêu thiếu thốn, khổ đau. (Trong thời của Nguyễn Đức Sơn, người đàn bà Việt, cũng như số đông phụ nữ trên thế giới, đã không còn khí phách của Lysistrata, nữ anh hùng trong kịch của Aristophanes đã thuyết phục được các phụ nữ Athens đình công việc chăn gối với các ông chồng của họ để gây áp lực cho những người đàn ông hiếu chiến trong công cuộc đạt đến hòa bình với quốc gia láng giềng). Lão Phụng trong *Đêm Tiệc Trần Gian* thấu nhận được sự mất ý thức của phụ nữ về sức mạnh của họ, cho nên lão “tức chết được.”

Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, Nguyễn Đức Sơn cảm phục sự nhẫn nhục, kiên trường của người đàn bà. Sự nhẫn nhục của phụ nữ tương đương với sự khổ hạnh của một tu sĩ/chiến sĩ. Có lẽ một trong những bài thơ hay nhất của Nguyễn Đức Sơn là bài “Trước Bệnh Viện Từ Dũ”:

### Gặp Gỡ Trước Bệnh Viện Từ Dũ

*Chị đi khám sản phải không  
Anh đâu không thấy đáng trông lạc loài  
Bao năm thai trứng nạo hoài  
Năm nay đừng né thai ngoài tử cung  
Họ nghi tào bạo lạ lùng  
Oan khiên tội lỗi anh hùng bạn tôi.*

Chỉ trong sáu câu thơ lục bát, Nguyễn Đức Sơn đã diễn tả hết nỗi khổ của người đàn bà bị xã hội coi là vô phúc, chỉ vì chị bị những khó khăn về y khoa trong chuyện chữa đẻ. Người đàn bà này không được sự ủng hộ về tinh thần của người chồng (vì anh vắng mặt), và cũng chẳng được hàng xóm hay họ hàng thương xót, giúp đỡ. Nhà thơ chỉ ước nguyện là người đàn bà làm tròn sứ mệnh thiên nhiên của chị “năm nay đừng né thai ngoài tử cung.” Sứ mệnh thiên nhiên: khả năng sinh được một hài nhi khỏe mạnh, đúng kỳ hạn, tuy được nhiều người coi là chuyện bình thường, thật ra không giản dị như vậy. Nguyễn Đức Sơn đã thấu hiểu được tính chất huyền bí và độc đoán của thiên nhiên, không khác gì những nghi hoặc “tào bạo, lạ lùng” của người đời trước chuyện “thai trứng nạo hoài” của người nữ trong bài thơ.

Nguyễn Đức Sơn bị ám ảnh bởi chu kỳ kinh nguyệt và quá trình sinh đẻ của phụ nữ cũng vì trong thế giới của ông chưa có sự hiểu biết thỏa đáng về thiên nhiên, giới tính hay tình dục. Tuy người phụ nữ của Nguyễn Đức Sơn có khuôn mặt đa diện: nàng huyền bí, quyến rũ, thô tục, nhẫn nhục, anh hùng, can đảm, nàng vẫn chưa hẳn là “bạn tâm hồn/bạn đồng hành” của nhà thơ, không như Lưu Hà “lấy cuộc sống rỗng tên của mình, cưu mang khối nặng sách” của chồng là Lưu Hiểu Ba.[5] Vì vậy, tôi chưa dám gọi ông là một nhà thơ *feminist*. Dù sao, có một điều gì đó rất thân mật và nguyên sơ trong tình cảm của nhà thơ đối với phái nữ. Trong bài thơ “Đi Thăm Bạn Sắp Đẻ ở Di Linh,” nhà thơ coi cái chết/sự tái sinh ở giữa thiên nhiên của người đàn bà—“bạn” của ông—như một hành động phản kháng đầy tự tin, độc lập, và rất ... nên thơ:

### Đi thăm bạn sắp đẻ ở Di Linh

*Sắp đẻ ở Di Linh cây cối chào chị  
Sắp đẻ ở hư không rừng và chị ôm nhau hát  
Tôi giấu mặt đi ven hồ lạnh giá  
Căn nhà gỗ phân mộ thanh xuân  
Những ván thông dày đặc gỗ quan tài  
Của tóc của chị của tình nhân  
Của dương cầm bỏ phé đúng một năm*

Sắp đẻ ở Di Linh cô đơn hùng dũng  
Chị thu mình như một con mèo mun  
Chị thu mình như một vũ nữ Ba Lan  
Chị thu mình như một đĩa hát cũ  
Oh, my tormented heart  
Buổi chiều chết trên cây thánh giá  
Hãy quên tôi như một mũi tên  
Hãy quên tôi như một loài chim đêm  
Anh đưa chị về đây để tự vận  
Chị thổ huyết ba lần tôi chứng kiến  
Khi rừng già thấp xuống thấp xuống  
Buổi sáng chị tắm sương mù  
Buổi chiều chị đốt cỏ để hong đời chị  
Hiu hắt như đời tôi chị đứng lên  
Hai mươi bảy năm tuột mắt thanh xuân  
Ôi nắng vàng dòng thác Gougah  
Rừng và chị ôm nhau hát  
Sẽ đẻ ra một đứa con  
Rừng và chị ôm nhau chết.

Như đã trình bày ở trên, Nguyễn Đức Sơn thổ lộ trong phần giới thiệu *Đêm Nguyệt Động* là ông “suốt đời cứ lạng chạng và thú vị đi từ lầm lẫn này đến lầm lẫn và hối hận khác.” Nỗi ám ảnh của nhà thơ về khái niệm huyền bí đồng thời phạm tục của thân phận con người nói chung, và thân phận phụ nữ nói riêng (sinh đẻ, thổ huyết), làm tôi nghĩ đến bài thơ “O Seasons, O Châteaux” của Rimbaud. Trong đó, Rimbaud diễn tả hai sự lựa chọn của nhà thơ, giữa hạnh phúc của trải nghiệm (những mùa trong đời người) và nghệ thuật của ngôn từ (những lâu đài):

Ôi những mùa, ôi những lâu đài  
Tâm hồn nào không lầm lẫn?  
Ôi những mùa, ôi những lâu đài,  
Ta học sách nhiệm mầu của  
Hạnh Phúc, điều không ai bỏ lỡ.  
Ôi hạnh phúc, mỗi phiên  
Con gà trống Tây gáy tiếng.  
Ta chẳng mong gì hơn,  
hạnh phúc chiếm trọn cuộc đời ta  
Bùa mê! Nó chế ngự hồn xác ta,  
phân tán mọi nỗ lực ta có.  
Ngôn từ ta có nghĩa gì,  
Chữ nghĩa hẫng bay xa, trốn chạy.  
Ôi những mùa, ôi những lâu đài

....  
Ô saisons, ô châteaux,  
Quelle âme est sans défauts?  
Ô saisons, ô châteaux,  
J'ai fait la magique étude  
Du Bonheur, que nul n'élude.  
Ô vive lui, chaque fois  
Que chante son coq gaulois.  
Mais ! je n'aurai plus d'envie,  
Il s'est chargé de ma vie.

*Ce Charme ! il prit âme et corps,  
Et dispersa tous efforts.  
Que comprendre à ma parole?  
Il fait qu'elle fuie et vole!  
Ô saisons, ô châteaux!*

Đối với Nguyễn Đức Sơn, chuyện “lầm lẫn” giữa những mùa đời và những lâu đài của nghệ thuật không thành vấn đề, miễn là người nghệ sĩ hoàn toàn chân thật trong khoảnh khắc của sự lựa chọn. Sự chân thật này, như thuật chế kim, sẽ hòa giải/kết hợp những mùa đời với lâu đài. Trong khía cạnh này, Nguyễn Đức Sơn có thể được coi là một nhà thơ trong truyền thống lãng mạn, thậm chí còn có khuynh hướng luân lý. Không có gì ngạc nhiên khi Nguyễn Đức Sơn đã gay gắt chỉ trích truyện cực ngắn “A Very Short Story” của Hemingway trong phần thảo luận về quan niệm truyện ngắn của ông:

*Nếu truyện dài là một cái gì hoàn tất thì truyện ngắn cũng phải là một cái gì hoàn tất dù nó có mở rộng nhiều chân trời xa xôi. Đó là điểm dễ hiểu nhưng ít người chịu hiểu. Truyện ngắn cũng nhất thiết không phải là một truyện quá ngắn ngủi và nhất là vô duyên như kiểu “A Very Short Story” của Hemingway. Một truyện ngắn hay như một viên đá ném vào thạch động. Nó vang rền khắp nơi. Chúng ta tê điếng xa xăm, khác với cái tê điếng rất mạnh của nhục cảm ....[6]*

Định nghĩa của Nguyễn Đức Sơn về ảnh hưởng mạnh của một truyện ngắn đặc sắc có lẽ cũng tương tự với nỗi cảm nhận thẩm thiết khi ta đọc một bài thơ có ngôn từ/lý tưởng súc tích và xúc cảm. Nhà thơ phân biệt cảm giác “tê điếng xa xăm” sau khi đọc một truyện ngắn có nội dung đòi đời (chắc cũng giống như lời răn của Rilke trong bài thơ *Tượng Bán Thân Cổ của Apollo*, “*Bạn phải thay đổi cuộc sống./Du mußt dein Leben ändern.*”) với không khíčynique, chán chường nhưng ngộp thở trong truyện cực ngắn của Hemingway.

Trong “A Very Short Story” của Hemingway, một người lính Mỹ gặp Luz, một cô y tá người Ý trong bối cảnh Đệ Nhất Thế Chiến ở Âu Châu và hai người yêu nhau. Họ muốn lấy nhau nhưng vì những trở ngại của tôn giáo và tình thế chiến tranh họ đã không thể làm việc này. Sau chiến tranh, cả hai bắt đầu nghi vấn về mối tình của mình. Người lính Mỹ trở về Chicago, Luz ở lại Ý và có bầu với một thiếu tá người Ý đóng quân trong cùng thành phố cô làm việc. Cuối truyện người lính Mỹ bị lâm bệnh giang mai sau khi làm tình với một cô gái bán hàng bách hóa trong chuyến taxi đi qua công viên Lincoln Park ở Chicago. Không khí sắc lạnh, cô đọng đến tàn bạo của truyện biểu hiện sự vỡ mộng của Hemingway sau kinh nghiệm chiến tranh của ông. Đối với Hemingway, nhà văn của Thế hệ Mất Mát (The Lost Generation) khi con người đã trải qua những kinh nghiệm khủng khiếp của một cuộc chiến, thì những mùa đẹp trong đời, hay những lâu đài, cũng chỉ là ảo giác. Tuy chứng kiến qua cuộc chiến Việt Nam, dường như Nguyễn Đức Sơn chưa hẳn mất niềm tin về hành trình/chân lý phiêu lưu của hạnh phúc, cho dù hành trình này chỉ đưa đến sự “mất thăng bằng” cho con người, như trong bài thơ “Nhìn Con Tập Lật”:

### Nhìn Con Tập Lật

*Nắm tay lật úp đi con  
Co thân tròn trịa như hòn đá lăn  
Muốn cho đời sống không cần  
Tập cho quen mất thăng bằng từ đây*

Bài thơ lục bát ngắn và thật sống động này làm tôi nghĩ đến điệp khúc trong bài hát nổi tiếng “Like a Rolling Stone” của nhạc sĩ Mỹ Bob Dylan:

*How does it feel?  
How does it feel,  
To be without a home,*

*Like a complete unknown  
Like a rolling stone?  
(Em thấy sao?  
Em thấy sao?  
Sống không nhà,  
Như một kẻ hoàn toàn vô danh,  
Như hòn đá lăn)*

Thơ của Nguyễn Đức Sơn có nhạc điệu, và những hình ảnh cô đọng nhưng hàm súc ý tưởng đã thúc đẩy tôi trong việc dịch thơ ông sang tiếng Anh. Tôi cảm nhận được “vòng quay” của Nguyễn Đức Sơn trong ba bài thơ tôi đã chọn dịch, “Nhìn Con Tập Luyện,” Trước Bệnh Viện Từ Dũ,” và “Đi Thăm Bạn Sắp Đẻ ở Di Linh.” Tôi như nghe điệu nhạc cổ điển, cùng hình dáng người vũ nữ quay vòng trên hộp *musical box*, trong quá trình đọc và dịch thơ ông. Nguyễn Đức Sơn, trong những khai phá về sự hiện hữu của con người, về sinh, tử, âm, dương, về những khoảnh khắc ngắn ngủi nhưng thấm thía trong vũ trụ, đã vượt qua những cách trở của thời đại ông, đã vượt qua biên giới ngôn ngữ và văn hóa, làm tôi thấy ông thật gần, thật gần. Đọc thơ Nguyễn Đức Sơn, có lúc tôi như thấy hai thế cực Đông/Tây của mình được phối hợp. Đó cũng là một hạnh phúc không nhỏ cho những con người trong thế hệ “bị xẻ đôi” của chúng tôi.  
*Xuân Tân Mão, 02-2011*

Chú thích:

[1] Võ Phiến, “Nguyễn Đức Sơn,” *Tạp chí Bách Khoa*, số 238 (1.12.1966), in lại trong *Văn Học Miền Nam: Thơ* (Văn Nghệ: 1999), tr. 2975-2976.

[2] Milan Kundera, *Immortality* (Grove Press: 1990), tr. 81 (người viết chuyển sang Việt ngữ từ bản dịch tiếng Anh của Peter Kussi).

[3] Nguyễn Thụy Long, “Cách Sống của Nguyễn Đức Sơn” (Chương 11), trong *Thuở Mơ Làm Văn Sĩ (2000)*; Nhã Ca, “Chân Dung Biệt Kích,” trích trong *Hồi Ký Một Người Mất Ngày Tháng* (Thương Yêu: 1991).

[4] Tuy “Ý Tưởng Chiều Tà” xuất hiện trong tuyển tập *Những Truyện Ngắn Hay Nhất của Quê Hương Ta* vào năm 1973, theo lời của Nguyễn Đức Sơn ở phần giới thiệu truyện thì ông đã viết truyện này vào đầu thập niên 1960, vào thời Đệ Nhất Cộng Hòa.

[5] Lưu Hiểu Ba, *Người Tù của Tham Lam* (bản dịch của người viết).

[6] Nguyễn Đức Sơn, “Quan Niệm về Truyện Ngắn”, thuộc phần Giới Thiệu của truyện *Ý Tưởng Chiều Tà*, trong tuyển tập *Những Truyện Ngắn Hay Nhất của Quê Hương Ta* (nxb Sóng: 1973).

[damau.org](http://damau.org)

## Nguyễn Đức Sơn nhà thơ/người trồng cây quái dị Nguyễn & Bạn hữu

Nguyễn Đức Sơn đến giữa đời và văn chương trong dáng vẻ và hành xử quái dị. Thường ông ăn mặc rất bụi, thế nhưng có khi lại khoác áo lam thầy chùa hoặc diện đồ lớn. Nhà văn Nguyễn Đình Toàn viết trong *Bông Hồng Tà Ôn*: Rất nhiều người đọc đã sửng sốt khi đọc *Những Bài Tình Đầu* của ông. Trên bìa trước và bìa sau của tập thơ, ông đã cho in đầy những lời ‘*tuyên bố huênh hoang*’, ‘*quát tháo hung dữ*’, ‘*khoa trương về những tác phẩm ngọc mắt*’ của mình, xỉ vả tất cả những ai, bất luận ‘*già, trẻ, đực, cái*’, muốn lợi dụng tài năng của ông.

Và Nguyễn Đình Toàn đưa ra nhận định: ... thơ tình của ông làm người ta kinh ngạc.

Thay vì “làm học trò không có sách cầm tay, có tâm sự đi nói cùng cây cỏ” (Đình Hùng), chẳng hạn, chàng trai mới lớn trong thơ Nguyễn Đức Sơn giấu trong cặp “*chiếc băng vệ sinh*” nhặt được ở đâu đó ngoài đường. Người đàn bà, người nữ, xuất hiện trong thơ Nguyễn Đức Sơn, không mặt mũi, nhan sắc, trước tầm nhìn (cứ gọi là tình cờ) của chàng trai mới lớn, ngồi xuống và “*em chưa đáí mà hồn anh đã ướt*”. Và Nguyễn Đức Sơn gọi đó là “*Vũng nước thánh*”. Ông cũng nhắc lại vũng nước ấy trong *Đêm Nguyệt Động*:

*không biết trong mơ em còn mắc cỡ  
một đêm vàng rúng động giấc thanh tân  
dưới chấn chiếu thiên nhiên lồ lộ mở  
em đáí dầm ướt sẫm cả trần gian*

Còn ai ngông và quái dị hơn Nguyễn Đức Sơn. Nói về cái ngông của Nguyễn Đức Sơn chỉ cần dẫn thêm mấy câu sau đây:

*đầu tiên tôi thờ cái phào  
bao nhiêu phiền não như trào ra theo  
nín hơi tôi thờ cái phèo  
bao nhiêu mộng ảo bay vèo hư không*

Thật ra, đằng sau cái ngông, cái tục và sự quái dị người ta nhìn thấy một con người khác của Nguyễn Đức Sơn, như trong bài Ngậm Ngùi sau đây:

*Một đêm sao ở trên trời  
Thì nhau rụng xuống bên đời cây hoang  
Lao xao như nắng thiên đàng  
Phấn thông hiu hắt bay vàng hồn tôi  
Các em rồi sẽ xa xôi  
Mình tôi ở lại bóng ngời thiên thu*

Hay như trong bài Mang Mang

*Tôi về lắng cả buổi chiều  
Nghe chim ăn trái rụng đều như kinh  
Còn một mình hỏi một mình  
Có chăng hồn với dáng hình là hai  
Từng trưa nằm nghĩ đất dài  
Phiêu phiêu như cái hình hài bay lên*

Tóm lại, con người Nguyễn Đức Sơn phức tạp, có lúc hung dữ, tinh quái có lúc buồn bã dịu dàng. Có điều chắc chắn là thơ và văn của ông một số sẽ được đời sau đọc đến và ghi nhớ.

Nguyễn Đức Sơn nổi tiếng quái dị. Đó là nhờ những bài thơ “bạo tục” và nhờ thứ tuyên ngôn kỳ quặc mà thi sĩ cho in lên bìa trước bìa sau của một số tập thơ. Ngoài ra, Nguyễn Đức Sơn nổi tiếng quái dị còn là do hành động và cuộc sống của ông.

Thời trẻ, ông yêu Phượng điên cuồng. Theo Đào Hiếu, ông từng khóc lóc rên xiết quỳ lạy, van xin tình yêu của Phượng. Không ăn thua, ông bèn dùng khổ nhục kế trèo lên thành giếng và kêu lên “Bớ Chức Anh Đài! Ta chết đây” làm Phượng hoảng hốt và rồi xiêu lòng.

Trong đám cưới, ông lớn tiếng chửi thầy Thanh Tuệ vì chưa in xong tập thơ *Đêm Nguyệt Động* của ông để ông tặng cô dâu. Cưới xong, gia đình ông sống tại Bình Dương gần chùa Tây Tạng. Khoảng cuối thập niên 1970, Nguyễn Đức Sơn đưa gia đình về sống ở vùng núi đồi Bảo Lộc nơi có Phượng Bối Am của thầy Nhất Hạnh. Theo một số nhà văn kể lại, cuộc sống của gia



đình Nguyễn Đức Sơn ở Phương Bối Am cũng là một thảm kịch. Sống như những sơn nhân, thiếu thốn tiện nghi đời sống và luôn luôn bị cái đói đe dọa. Một bữa cả gia đình gồm hai vợ chồng và 3 đứa con bị trúng độc vì ăn rau rừng và một đứa con bị chết. Rồi cách ông đối xử với người thân của ông cũng khiến nhiều người cảm thấy bất nhẫn. Bữa Ý đã hình dung Nguyễn Đức Sơn là con tê giác cứ húc bừa về phía trước, bất chấp đối tượng.

Nói về Nguyễn Đức Sơn, một số nhà văn còn gọi ông là Lão Thi Sĩ Vạn Thông do ông đã trồng hàng ngàn gốc thông trên ngọn đồi Phương Bối rộng tới cả chục hec-ta. Về chuyện này, nhà thơ Nguyễn Đạt viết như sau, cho thấy lòng yêu thiên nhiên của Sơn Núi:

“Nguyễn Đức Sơn đã bảo vệ tới cùng một tổ chim trên cây rừng Phương Bối bị đám người có hung khí tới phá phách. Lần đó Nguyễn Đức Sơn bị đám người này dùng dao đâm ông, chỉ nửa phân nữa là trúng con mắt.” Ở rừng Phương Bối, Nguyễn Đức Sơn lo chăm bón, bảo vệ từng gốc thông với những phương tiện thô sơ.



Ký giả Quốc Việt trong bài “Ăn sĩ cuối cùng và đồi thông Phương Bối”, đã kể lại chuyện sau đây về việc trồng thông của Sơn Núi: “Vừa nói lão vừa dẫn tôi lang thang tham quan đồi thông rộng xấp xỉ 30ha của mình. Khoảng vài ngàn ngọn thông lớn nhỏ, nhiều cây cao đã 6 -7 mét. Nhưng rồi ngậm ngùi biết bao khi lão lần xuống triền đồi và chỉ cho tôi xem hàng ngàn cây thông nhỏ với những lỗ đất trống không xen kẽ khắp nơi. “Tôi cứ trồng xuống, người ta lại nhổ lên, rồi tôi lại trồng xuống.” Kể về mình, lão đã cười đến chảy nước mắt khi nói đến “độc chiêu” để bảo vệ thông. Cứ cây nào ra cảnh đẹp là lão phéng ngay cảnh đó để chặn mấy tay vô tâm chỉ vì một cảnh ưng ý mà hạ luôn cả cây. Rồi gần đến mùa Noel lão sẽ châm lửa đốt rừng thông lớn của mình, do thông lớn gặp than lửa sẽ không chết mà càng cao tốt thêm trong khi những cảnh bên dưới sẽ xấu đi.”

Tới đây, người viết không khỏi tự hỏi: Nhà thơ Nguyễn Đức Sơn và rừng thông Phương Bối rồi sẽ đi về đâu?

Nhìn lại, Nguyễn Đức Sơn quả là một nghệ sĩ quái dị. Ông là một trong những nhà thơ tiêu biểu của hai mươi năm văn học miền Nam, người luôn đi tìm trong cuộc sống những câu trả lời không thể trả lời. Rõ ràng Nguyễn Đức Sơn không thể thỏa hiệp với cuộc đời -ông đi ngược dòng sống với thái độ hung hăng gây gổ. Ông sống phân hai giữa đời thơ và đời thường, giữa tu tập và buông thả, giữa dục tính và lãng mạn. Thế giới của Nguyễn Đức Sơn là một thế giới kỳ quặc mà con người phân chia thành nửa này nửa kia luôn luôn chống đối nhau và không bao giờ thỏa hiệp với nhau.

## Sự thật về “Người Trồng Thông Quái Dị” Nguyễn Đạt

Trước 30 tháng 4, 1975, và bây giờ hẳn cũng vậy, rất nhiều người đã xem Bùi Giáng - Phạm Công Thiện - Nguyễn Đức Sơn là ba “kỳ nhân văn nghệ”; ba con người văn nghệ độc đáo, đặc dị, và lừng danh trong văn hoá - văn nghệ của Miền Nam tự do. Ở thị xã Bảo Lộc - tỉnh Lâm Đồng, người ta gọi Nguyễn Đức Sơn là “Người trồng thông quái dị”. Chúng tôi là bạn thân thiết với Nguyễn Đức Sơn từ những năm cuối thập niên 60 của thế kỷ trước.

Cuối thập niên 70, rời chùa Tây Tạng ở thị xã Thủ Dầu Một - tỉnh Bình Dương, Nguyễn Đức Sơn đưa gia đình lên cư ngụ trên trái đồi có Phương Bối Am của Thượng toạ Nhất Hạnh, hoang phế từ nhiều năm. Là người cầm bút, lại chỉ để sáng tác thơ, từ lúc ở Thủ Dầu Một, Nguyễn Đức Sơn chỉ biết mưu sinh bằng cách dạy kèm ngoại ngữ. Phương, người bạn đời của nhà thơ, lúc đó sống nương nhờ dưới mái chùa Tây Tạng; Phương là cháu vị sư trụ trì chùa này; ngôi chùa được xây dựng theo phong cách chùa chiền ở Tây Tạng.

Cuộc sống của Nguyễn Đức Sơn trên trái đồi nằm cuối dãy núi Đại Lào hẳn nhiên là cuộc sống của người làm rừng làm rẫy, bám vào cỏ cây nương rẫy mà sống. Chúng tôi từng chứng kiến, Nguyễn Đức Sơn đẩy chiếc xe đạp cọc cạch, thồ đồng củi cao hơn thân mình, từ đồi rừng ra chợ cách xa gần mười cây số để bán. Chỉ có cách kiếm sống như vậy, cho một gia đình đông con; làm sao Nguyễn Đức Sơn, với vợ yếu và đàn con thơ dại, không nhếch nhác tơi tả? Nhà thơ Thái Ngọc San, đã mất, sau khi lên thăm Nguyễn Đức Sơn ở đồi Phương Bối (tên do thầy Nhất Hạnh đặt), đã viết truyện ngắn “Bầy Thú Hoang Dã”, cho thấy cảnh sống của gia đình Nguyễn Đức Sơn lúc ấy không khác biệt bao nhiêu với đời sống của loài thú rừng. Hiển nhiên, qua cách nhìn nhận như Thái Ngọc San ở truyện ngắn này, là chỉ ghi lại cái bề mặt của cuộc sống Nguyễn Đức Sơn; và mặc nhiên với những trách cứ phê phán của người quan sát thiếu tâm tình.

Từng gần gũi Nguyễn Đức Sơn nhiều ngày tháng, chúng tôi hiểu rõ nhà thơ Nguyễn Đức Sơn không hề có dã tâm của loài thú, để tạo nên cuộc sống như Thái Ngọc San đã ghi nhận; đó chỉ là một cuộc sống cực-chẳng-đã phải như vậy mà thôi, muốn khác đi cũng không được. Nguyễn Đức Sơn không biết làm gì khác để thay đổi cuộc sống như bầy-thú-hoang-dã; ông lại càng không thể tính toán, bon chen, giành giật với nhân thế. Trên trái đồi rộng bốn - năm héc-ta, ông không biết và cũng không ưa trồng loại cây nào cho có lợi nhuận, ngoài cây thông mà ông yêu thích. Cũng vì Nguyễn Đức Sơn chăm chút, nuôi trồng thông từ mấy chục năm nay, trái đồi mang tên Phương Bối ở thôn Đại Lào - xã Lộc Châu, bây giờ gần như là nơi duy nhất để ngàn thông còn tồn tại trên cao nguyên hoang sơ Bảo Lộc.

Nguyễn Đức Sơn đã bảo vệ tới cùng một tổ chim trên cây rừng Phương Bối bị đám người có hung khí tới phá phách. Lần đó Nguyễn Đức Sơn bị đám người này dùng dao đâm ông, chỉ nửa phân nữa là trúng con mắt. Dân cư quanh vùng biết Nguyễn Đức Sơn lúc nào cũng ưa đọc sách, nhưng thấy ông không cho các con ông đi học; biết ông, nửa đêm lạnh giá, xách đèn pin đi khắp đồi thông; nghe tiếng ông la hét cằn nhằn vợ con vang dội khắp bốn bề; nghe chính con ông kể chuyện những kiểu tra tấn đánh đập vợ con: treo con lên xà nhà; bắt lũ con nằm thành hàng để ông đi xe đạp cán qua; bóp cổ vợ; đập gậy sau lưng khi vợ đang vo gạo... Từ những chuyện như vậy, ông nổi tiếng là “Người trồng thông quái dị”; kinh khủng nhất, mọi người cho là ông vô tâm, tàn ác, không thương xót vợ con. Đây là một ngộ nhận đáng sợ đối với bất cứ người nào; hổng hồ người đó lại là một nhà thơ.

Không có chuyện tra tấn đánh đập vợ con như một hai người con của Nguyễn Đức Sơn đã nói; đấy là câu chuyện hoang tưởng của con ông mà thôi; chính Phương xác nhận với chúng tôi

như vậy. Nhưng nếu ai hỏi Nguyễn Đức Sơn chuyện này, thì ông lại xác nhận; không những như thế, ông còn tô vẽ thêm lên cho thật ghê rợn. Đây chính là một trong nhiều tính chất đặc dị của nhà thơ “kỳ nhân” Nguyễn Đức Sơn.

Sự thật mà chúng tôi biết, Nguyễn Đức Sơn đầy tình cảm yêu thương con người, như mọi người thiện tâm khác. Lần Phượng bị bệnh thập tử nhất sinh, phải giải phẫu tại bệnh viện Chợ Rẫy, chúng tôi ngồi bên ông, ngoài hành lang trước phòng giải phẫu. Ông rất căng thẳng chờ đợi kết quả phẫu thuật. Chợt có tiếng cô y tá kêu lớn tên ông: nước mắt ông tuột ra, chảy dài trên khuôn mặt. Ông ngỡ cuộc phẫu thuật thất bại, Phượng đã chết! Hoá ra không phải, cô y tá gọi ông để báo tin lành. Và Nguyễn Đức Sơn nhảy cẫng lên, như đứa trẻ vui mừng tột độ.

Lần một đứa con của Nguyễn Đức Sơn bị bệnh nằm liệt giường, chúng tôi cũng có mặt trên đồi Phương Bối. Ông cuống cuống, chạy xuống đồi, hỏi người này người kia để chữa chạy kịp thời cho con. Có người bày cách, cho người bệnh ăn thịt cóc sống. Ông hét vang như hoá điên, vì gặp ngay người bán thịt cóc đi ngang qua. Mang thịt cóc về, cho đứa con ăn ngay; chợt ông nhớ cả gia đình vốn ăn chay trường, ông vội vã thấp nhen nhang niệm Phật, xin xá tội! Đứa con vừa nuốt miếng thịt cóc, lập tức nôn mửa thốc tháo. Ông lại cuống cuống, lại chạy xuống đồi, kêu “xe ôm”, ôm con ngồi lên xe đưa vào bệnh viện. Ở bệnh viện, lúc đứa con đã an toàn, đã đi đứng trở lại; bấy giờ mới để ý: ông chỉ mặc cái quần cụt mà lại thùng rách cả đũng! Nhưng Nguyễn Đức Sơn lúc đó vui rộ lên, nói lấp bắp những câu hí lộng về cái quần thùng rách!

Chúng tôi biết cả ba người văn nghệ độc đáo nhất của Miền Nam tự do, ba “kỳ nhân văn nghệ” như nhiều người đã gọi: Bùi Giáng - Phạm Công Thiệu - Nguyễn Đức Sơn. Cả ba đều thương yêu hết mức con người. Bùi Giáng thì đã già biệt côi-hồng-trần từ lâu; Phạm Công Thiệu mới qua kiếp nhân sinh, chắc hẳn lúc này hương hồn ông đã nhập vào con bướm trắng tung tăng trên cỏ. Và Nguyễn Đức Sơn, lúc nào chúng tôi cũng hình dung ông đang chống gậy, đi mãi miết giữa những hàng thông trên đồi Phương Bối; hình dung ông Ngàn sau / Phơ phất gò bông lau.

(Nguồn Tiền Vệ: [www.tienve.org](http://www.tienve.org))

\*\*\*



Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ  
và Nguyễn Đức Sơn

## **Phụ đính :**

### **Tất cả đều trật lất**

Nếu không có quỷ ma  
Khó bề thấy được Phật  
Đó là sự thật của trái đất  
Nhưng nghĩ cho cùng tất cả đều trật lất  
(Tịnh khẩu)

### **Một tâm ảo tượng**

xe chành bánh giữa luân hồi  
ưu bi chở ngập bên trời bao la  
ngày chưa sụp bóng ta bà  
đã nghe chuông Hội Long Hoa đến rồi  
một ngài Di Lạc xa xôi  
một tâm ảo tượng tôi ngồi thâu đêm.

### **Một ngày ở núi**

Sáng ra hôn nụ hoa hồng  
Giữa trưa dừng cuộc ta bỗng mây trôi  
Đít em là một cái nôi  
Gốc cây bê tới đặt ngòi quá hay  
Em ăn mặn, anh ăn chay  
Thằng ngu gặng hỏi hôm nay ăn gì

### **Tháng Chạp sâu đời trên núi lạnh**

Ta và em hai kẻ cóc cần đời  
Đời mạt pháp , con người mạt hậu  
Có một tấm lòng rồi cũng chỉ rong chơi

Sương mù, sương mù ,ừ !sương mù  
Khuya về trắng mọc ngọn mù u  
Cầm ống sáo đồng gỗ vào vách núi  
Tráng sĩ hề! lạnh thấu thiên thu

Ta lạnh , còn em đâu có ấm  
Tiếng tụng kinh là tiếng chim rơi  
Để ta tụng bài thơ thiên cổ  
Thơ là kinh , thật đó nàng ơi !

về núi mang theo kinh Kim Cương  
Đắm cuốn thơ tình đắm phong sương

Nửa đêm tụng chú mà rơi lệ  
Nơi thành lương địa mà sao lòng mình chưa thanh lương

Nhảy tòm xuống suối giỡn trăng khuya  
Hát khúc vọng tình khúc nhớ quê  
Quê nhà xa tít và xa tấp  
Non nước ngàn thương chẳng chốn về

### **Ngàn sau**

về đây say với trăng ngàn  
phiêu diêu hồn ngật giấc vàng đó em  
trăm năm bóng lũng qua thềm  
nhớ nhung gì buổi chiều êm biển rồi  
mai kia tắt lửa mặt trời  
chuyện linh hồn với luân hồi có không  
thái hư chừng sắp chuyển vòng  
đại dương tràn kéo núi đồng tan đi  
chúng ta chờ ước mong gì  
văn minh gửi cát bụi về mai sau.

### **Đêm thu**

một đêm trăng mờ ảo  
anh tìm về thăm em  
phố buồn như hoang đảo  
gió ngừng ru bên thềm  
ánh đèn sao le lói  
căn phòng sao đều hiu  
anh lặng người thăm hỏi  
kiếp người sao tiêu điều

anh đi vòng sau nhà  
một mình như bóng ma  
giật mình anh nghe thấy  
có tiếng gì bay xa

rồi đêm trăng mờ ảo  
anh lại về thăm em  
như lá vàng lão đảo  
anh lui về trong đêm  
(Hoa cô độc)

### **Mai kia**

Mai kia tan biến hận thù  
Giữa đêm sao chiếu mịt mù phương đông  
Cha về ôm cả biển sông

Duỗi chân duỗi cẳng nằm không một đời  
Cho con cha hứa một lời  
Đuỗi mây thiên cổ rong chơi tối ngày  
Thu nào tóc bạc òa bay  
Có con chỉ trở mới hay tuổi già  
Cúi hôn trời đất đậm đà  
Cha tan theo bóng trăng tà vạn niên  
(Văn, Sài Gòn)

### **Tịch mặc**

rời mai huyết lạnh anh về  
ru nhau gió thổi bốn bề biển xưa  
trăng tà đổ bóng cây thưa  
mộng trần gian đã hái vừa chưa em  
(Lời ru)

### **Tôi thấy mây rừng**

một ngày đau khổ chín trong tôi  
tôi đến bên cây lẳng lặng ngồi  
cây thả trái sầu trên nước lẳng  
mặt hồ tan vỡ ánh sao trôi

thôi nhé ngàn năm em đi qua  
hồn tôi cô tịch bóng trăng tà  
trời sinh ra để chiều hôm đó  
tôi thấy mây rừng bay rất xa  
(Những bài tình đầu - Bọt nước)

### **Hành động**

các em hãy cùng công kênh trái đất  
dang chân dài lấy thế trước hư vô  
anh núp rình sợ thần thánh về xô  
dành tác phẩm muôn đời to lớn nhất.

### **Bắt đầu thờ**

bắt đầu thờ là bắt đầu hạnh phúc  
không bao giờ anh nói dối em đâu  
ôi bắt động ngàn năm thân gỗ mục  
cửa tồn sinh em hãy mở cho lâu.

### **Thi sĩ**

khi ý thức mặt đất này dang dở  
ta vội chìm trong bóng nguyệt mang mang  
khi chấp nhận một ngàn lần đổ vỡ  
ta một hồn đăm đuối giữa tan hoang.

### **Quê hương**

tháng bảy đi về đơm nhãn  
nhớ mang ra ít gĩa chiêm  
ruộng xưa cò bay thẳng cánh  
gặt hái vừa độ trăng liềm

mười mấy năm rồi đi nhĩ  
lạc loài xa mãi cố hương  
giờ đây ngồi mà suy nghĩ  
lòng dạ ai người không thương

quê mình ai còn ai mất  
đi rồi gươm súng mùa thu  
khóc mãi từng đêm lưu lạc  
nói ra thêm oán thêm thù

ngỏ về làm sao ngài ngại  
xe cộ có dễ dàng không  
kháng chiến người đi chưa lại  
lúa khô héo cả ruộng đồng

ông ngoại chắc già ghê lắm  
mấy người đi nữa nhưng thôi  
đất cần quê hương nứt rạn  
kể thêm đau lòng đi ơi

dù sao cũng là xứ sở  
đói nghèo đừng lạt tình thương  
mười năm không cúng không giỗ  
đi về ầm lại khói hương

tháng bảy đi về đơm nhãn  
nhớ mang ra ít gĩa chiêm  
ở đây làm gì có bán  
thấy người ta ăn bắt thềm.

### **Đốt cỏ ngoài rừng**

Xem cha đốt cỏ ngoài rừng  
Nâng niu mẹ ẵm theo mừng không con  
Có vài chiếc lá còn non  
Gió xua lửa khói nổ giòn trên không

Nắng tà trải xuống mênh mông  
Bước theo chân mẹ cha bằng hư vô

### **Nhìn con lập tật**

Nắm tay lật úp đi con  
Cơ thân tròn trịa như hòn đá lặn  
Muốn cho đời sống không cần  
Tập cho quen mất thăng bằng từ đây

### **Rơi miệng con**

Nằm yên thôi chớ vùng vằng  
Để cha rơi miệng con bằng mật ong  
Bé luôn cái lưới cho con  
Nói năng lấp liếm mới hòng người nghe

### **Nói thật**

Ở ăn với mẹ mày nhiều  
Có trưa học máu có chiều trào cơm  
Có đêm quần trí sôi đờm  
Sáng ra cuộc sống quá nhòm con ơi  
Ru con cha rỗng thấu trời  
Oan khiên tan ở giữa đời cho mau

### **Đêm khơi**

lênh đênh thuyền giạt xa miền  
nửa đêm bưng tỉnh man thiên một trời  
trông lên thượng đế đi rồi  
hỏi mây thái cổ con người vẫn vi  
lối mòn cỏ mộ xanh rì  
ngoài ra kia chẳng có gì nữa sao  
đảo buồn thổi gió lao xao  
ngàn xưa còn tiếng thì thào biển khuya

### **Nge tiếng gà rừng gáy**

chợt nghe tiếng gáy rưng rờ  
khóc lên tang hải giữa trời tha ma  
từ sương mai đến ác tà  
khuất trong thiên cổ dấu gà hiển linh.

### **Những buổi trưa câm**



từ hôm lính trói anh về  
chuông tù réo gọi náo nề thân tâm  
bị bưng những buổi trưa câm  
anh thường náo nức được đăm mặt trời  
*(Kỷ niệm Tổng nha, trại B phòng 17, ngày 28.5.1968)*

### **Chút lời thờ than**

mỗi ngày cúi xuống hạt cơm  
anh nghe thấu một mùi thơm lạ lòng  
cần đôi hạt muối thường dùng  
biết ơn trời đất vô cùng em ơi  
trăm năm ta sống một đời  
ngàn năm gửi lại chút lời thơ than  
*(Kỷ niệm Tổng nha, trại C, phòng 36, 5.6.1968)*

### **Kỷ niệm Bình Dương**

những chiều sẫm tối anh về  
em ra lớp dạy đi kề vai anh  
một thân áo cánh mong manh  
hôn nhau lệ nhỏ trung thành cho nhau  
cầm tay ta bước đi mau  
hình như bố ráp đằng sau xóm này  
nhìn nhau bụng trống một ngày  
mà sao hạnh phúc giảng đầy nhà thôi  
nửa khuya sao chiếu xa vời  
ở trong thiên cổ anh ngồi bên em  
*(Kỷ niệm Tổng nha, trại B, phòng 17, 24.5.1968)*

### **Sầu vương**

Trong ánh mắt buồn xưa tôi khóc được  
Nhớ nhung tràn ôi một cõi trời xa  
Nhớ nhung tràn ôi một thuở nào xa  
Áo trắng bay bay sáng ngập phố phường  
Đời như mở cả một trời hương ngát  
Rồi năm tháng mùi hoa thơm cũng lạt  
Áo phai đi dù nắng vẫn đang hường  
Dù năm tháng tình vương thôi cũng nhạt  
Là lúc đầu xa biệt những ngày hương  
Là lúc thôi mơ mộng giữa canh trường  
Và tất cả tưởng chừng như đã mất  
Áo trắng bay nhanh tưởng chừng đã khuất  
Tay có dài không với lại trời xưa  
Nhưng đáy tâm tư lắng đọng không ngờ  
Sầu đưa đến cả một trời khơi dậy

Trong giếng mắt người xưa tôi đã thấy  
Ánh tượng bưng của cả một thời qua  
Cảm lạnh hồn như gặp kiếp nào xa  
(Thơ Tình năm 1975)

### **Giữa đời nhạt nắng**

Tóc ai bay giữa đời nhạt nắng  
Mắt biếc ru êm cả buổi chiều  
Chậm chậm buồn xa đưa héo ruột  
Bóng vàng nghe tắt giữa hoang liêu

Rồi tự ngàn năm gió lên về  
Mây buồn đu võng xuống sơn khê  
Mưa giăng ướt cả tình xưa cũ  
Đồng vọng sâu dâng lên não nề

Lối mòn heo hút chiều sa rụng  
Người ơi sao u hờn mệnh mỏng  
Bâng khuâng chân bước tìm quên lãng  
Ôi dáng thu xưa trắng ngập lòng

### **Mộng vô biên**

hãy đốt đuốc hàng đêm trên trái đất  
cho núi rừng và biển thẳm lung linh  
các em là sáng rực cả vô minh  
để anh có một nguồn vui bất tuyệt  
hãy đọc kỹ hồn anh trong bóng nguyệt  
các em vừa mười bốn với mười lăm  
bài học gần nhưng cũng rất xa xăm  
các em hãy bắt đầu yêu bụi cát  
bởi trái đất là niềm kiêu hãnh nhất  
dù xe đời lăn hố thẳm ngựa nghiêng  
đã chết rồi bao ngưỡng vọng thiêng liêng  
dù khuya vắng trời muôn sao lấp lánh  
chúng đã dựng lên bao nhiêu thần thánh  
ung thúì rồi dưỡng chất của chiêm bao  
đêm mới về niềm hoan lạc xôn xao  
ta đốt đuốc chạy dài trên trái đất  
xin đừng khóc dù trăng sao sẽ tắt  
nắm tay vòng các em hãy quay nhanh  
lệ úa tràn vũ trụ sáng long lanh  
ta đốt đuốc soi trên bờ bụi cát

### **Đêm trăng lu**

buổi tối đó bầu trời như muốn ngã  
anh một mình ôm lấy bóng trăng tan

mây thấp quá và hồn anh tối quá  
không chỗ nào thờ được dưới trần gian

### **Hồn đã ủ ngàn năm**

một buổi trưa nhớ tràn về tuổi nhỏ  
ta lạnh người ôm chiếc bóng rung rinh  
hồn đã ủ ngàn năm trong lá cỏ  
cánh chuồn chuồn chới với giữa tâm linh

### **Khát vọng**

các em hãy đi tuần quanh trái đất  
ôi tuổi vàng mười sáu với mười lăm  
phải hoàn thành sứ mạng một trăm năm  
trước khi biến tan vào trong bụi cát  
nắm tay cất đại đồng ca bát ngát  
ở trên đầu thần thánh với âm binh  
mấy ngàn năm nguồn cội của điều linh  
chúng làm nhằm an toàn sau bí tích  
kiêu dũng nhất là con đường không đích  
ta cầm đầu lao thẳng tới hư vô  
ôi mộng đời cháy sém cỏ cây khô  
trắng thế kỷ rừng Đông Phương sáng chiếu

### **Hồn mang**

anh chắc chắn có ngày em sẽ hỏi  
dù sáng hồng biển thờ rất xôn xao  
dù trưa vàng mây thấp sáng chiêm bao  
dù đêm trắng rừng trắng đầy gió thổi  
không có cách gì anh còn sống nổi  
dù một đời im lặng dưới ngàn sao

### **Ôi dòng Dran**

Rừng bắt đầu lãng quên  
Khi các em trở lại  
Êm đềm êm đềm biết bao nhiêu  
Tôi bỗng ăn năn khi tìm đến các em  
Và thống hối khi các em tìm tới tôi  
Căn phần tôi đó  
Không rộng đủ cho các em ngồi lên trên  
Hãy xoa tóc lên hồn tôi  
Căn phần tôi đó  
Cho tôi nhìn thấy trước khi tôi chết  
Các em hãy thay phiên ngồi lên trên  
Mỗi mùa đông trở về cắm trại

Căn phần tôi đó  
Các em hãy xúm nhau ngồi hết lên trên  
Ồi khu rừng cao nhất Dran  
Để tôi bắt đầu thử chết.  
(Văn số 38 Ra ngày 15.7.1965)

### **Ngưỡng mộ**

Để tôi bắt đầu thử chết  
Khi các em trở lại

Ồi mùa đông nhẹ nhàng biết bao nhiêu  
Thờ bằng chuyện tình một em đã chết  
Qua mười sáu năm rất vui  
Chết rất nhẹ nhàng  
Rất nhẹ nhàng như em đã sống

Qua mười sáu năm  
Em thờ bằng tình sương  
Ngủ bằng mộng寐  
Ồi cánh rừng cao nhất Dran  
Em không nhìn thấy sao  
Chỗ chuyển xe lửa đi qua  
Êm đềm êm đềm  
Như một cơn ác mộng  
Nửa đêm tàn phá tâm hồn tôi  
Bốn mươi hai  
Tiếng hát đòi người  
Năm ba mươi tám tôi không gặp nàng  
Lúc bấy giờ chắc tôi còn nhỏ lắm  
Năm hai mươi bảy tôi cũng chưa gặp nàng  
Lúc bấy giờ chắc tôi chưa biết vui  
Lúc bấy giờ chắc tôi chưa biết chết  
Lúc bấy giờ chắc tôi chưa biết khóc

Ồi xa vắng biết bao nhiêu  
Tôi dừngân những chiều bên hồ nước  
Những chiếc hoa trắng dại  
Những đơm xôi mới chín  
Tôi hát cho một đứa em gái họ ngoại  
Những ngày hoang vu  
Những đêm kinh hãi  
Yêu em đi  
Vâng  
Nhưng sao rừng đen quá  
Vâng  
Nhưng không bao giờ  
Không  
Tôi rùng mình  
Không  
Chết mất  
Và rừng kéo nhau theo như chúng ta

Những chiều gió thổi thật nhanh  
Qua ga xép buồn bã  
Tôi lớn lên  
Không biết chắc mình còn gì để khóc  
Hai mươi sáu năm qua  
Tôi trở về vùng biển tiếng hát chào đời  
Không hiểu sao tôi rất yên tâm  
Nhìn những mỏm mả mọc gần bờ biển  
Ồi Ninh Chữ  
Biển ở đó hãy ngủ yên  
Không  
Ồi Ninh Chữ  
Tôi kể lại một chiều gió thổi rất nhanh  
Sóng rất cao rất cao  
Tôi trở về làng Nại đìu hiu  
Một hồi trống trường tiểu học Thanh Hải vang lên  
Đội tôi vào sâu quá khứ  
Đội tôi ra ngoài biển xanh  
Tôi lại qua một vùng đất đầy mỏm mả  
Một chiều mưa bay rất nhẹ  
Có tiếng khóc oe oe  
Người thiếu phụ mới đẻ nào đó ra đứng trước bệnh viện bảo sinh  
Nhìn đám táng đi qua một xóm chài quạnh quẽ  
Những bờ nước xấp xấp ngang mắt cá  
Những bụi xác mắm tro thân  
Thằng em trai của tôi chạy theo nó  
Tôi lặng thinh và bỗng giật mình  
Ồi đám táng đẹp vô cùng  
Các em còn nhỏ nên làm sao hiểu nổi  
Người sản phụ đứng nhìn thật lâu

Nàng không đẹp không xấu không quan trọng  
Nàng để

Tôi nhìn nàng qua chiếc áo len có vẻ quý phái nông dân  
Đúng  
Nàng không đẹp không xấu không quan trọng  
Nàng để  
Để xong nàng ra nhìn đám tang

Tôi bỗng thấy nàng cao lớn biết bao nhiêu  
Tôi bỗng thấy nàng già hơn những con còng lâu năm  
Đào hang học cạnh những bụi dứa dại những ngôi mộ c  
Tôi bỗng thấy nàng trẻ biết bao nhiêu  
Như khi các em trở lại  
Hát vang rừng một chiều đông mưa tạnh  
Những chiếc áo dài rất trắng những chiếc jupe rất trắng  
Những lá rụng lao xao vô cùng trắng  
Sáng ngập hồn tôi  
Ồi Gougah mặt trời mọc  
Trên bờ thác cao  
Tôi hiểu các em bắt lực  
Không phải khi chúng ta nhìn một em đã chết

Nhẹ như tơ bay

Tôi hiểu tôi bất lực  
Sau một đêm từ già người thiếu phụ  
Sau một đêm từ sáu giờ chiều đến bốn giờ sáng  
Tôi lặng lẽ ra đi sau khi khép hờ cánh cửa  
Sau khi tắt vội chiếc pick up êm đềm thừa thãi

Các em đừng đọc những dòng này nghe không  
Tội lắm đó  
Vì tôi chỉ kể cho một em đã chết  
Tôi chỉ kể cho một đứa em gái họ ngoại tên My  
Tôi chỉ kể cho người thiếu phụ đã xa tôi  
Cho trăng sao không bao giờ đếm hết  
Ôi Dran ôi Dran  
Những trưa rừng cao như chưa bao giờ trông thấy  
Trên một ngọn đồi cao hút thông già muôn năm  
Trên ngọn đồi cao nhất nơi đây  
Tôi quần quai với tất cả sinh lực thiếu niên  
Mười bảy hai mươi còn gì đâu  
Ôi điều hui gió thổi  
Hình như có một người tiêu phu trông thấy tôi  
Chắc người phải cầu ng  
Tôi ngủ quên từ đó  
Ôi dòng sông Dr  
Đứa con gái tên My có lần toan trầm mình  
Giờ đã hết

Ôi dò  
Rừng bắt đầu lãng quên  
Khi các em trở lại  
Êm đềm êm đềm biết bao nhiêu  
Tôi bỗng ăn năn khi tìm đến các em  
Và thống hối khi các em tìm tới tôi  
Căn phần tôi đó  
Không rộng đủ cho các em ngồi lên trên  
Hãy xoa tóc lên hồn tôi

Căn phần tôi đó  
Cho tôi nhìn thấy trước khi tôi chết

Các em hãy thay phiên ngồi lên trên  
Mỗi mùa đông trở về cắm trại  
Căn phần tôi đó  
Các em hãy xúm nhau ngồi hết lên trên  
Ôi khu rừng cao nhất Dran  
Để tôi bắt đầu thử chết  
(Văn số 38 Ra ngày 15.7.1965)